



Telecom

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	4
Điểm nhấn FPT Telecom 2018	6
Tổng quan	8
Lịch sử hình thành và phát triển	9
Ngành nghề kinh doanh	10
Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý	13
Công ty con	14
Giới thiệu Ban lãnh đạo	15
Định hướng phát triển	20
Tình hình tài chính nổi bật năm 2018	22
Đánh giá của Ban Điều hành	24
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	31
Kế hoạch năm 2019	33
Hoạt động của Hội đồng Quản trị	35
Hoạt động của Ban Kiểm soát	37
Quan hệ Nhà đầu tư	38
Phát triển bền vững	40
Báo cáo tài chính 2018	43
Danh bạ công ty	77



FPT TELECOM
2018





THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư và Quý khách hàng!

Thay mặt Hội đồng Quản trị cùng tập thể lãnh đạo và người lao động Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, kính chúc Quý cổ đông, các Nhà đầu tư, Quý khách hàng sức khỏe và hạnh phúc. Xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của quý vị đã dành cho chúng tôi trong thời gian qua.

Kính thưa Quý vị!

Sau 1 năm thực hiện định hướng: **“Chuyển dịch từ nhà cung cấp dịch vụ sang nhà cung cấp trải nghiệm”**, kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty tiếp tục có sự tăng trưởng vượt bậc. Doanh thu thuần đạt 8.822 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1.458 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 15,3% và 19,8% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.160 tỷ đồng; tổng tài sản đạt 11.724 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu đạt 4.121 tỷ đồng.

Trong năm vừa qua, Công ty đã có nhiều bước đi đột phá nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho Quý khách hàng. Đó là chương trình nâng băng thông tối đa đến 30% cho các khách hàng đang sử dụng dịch vụ internet băng rộng ngay từ đầu năm. Đó là việc đẩy nhanh tiến độ dự án quang hóa hạ tầng lên phạm vi toàn quốc và tính đến hết năm 2018, hạ tầng viễn thông của Công ty về cơ bản đã được quang hóa hoàn toàn, đẩy chất lượng dịch vụ internet băng rộng lên một tầm cao mới. Đó là nâng cấp chất lượng một loạt kênh truyền hình trong nước cũng như quốc tế thông dụng lên chuẩn HD; giành được độc quyền phát sóng giải bóng đá nhà nghề nước Ý – Serie A cho các tín đồ bóng đá. Đó là cho ra mắt những sản phẩm công nghệ mới như Box truyền hình FPT với độ phân giải 4k, Voice remote – điều khiển bằng giọng nói. Đó là việc nâng cấp hàng loạt các tính năng, tiện ích khác cho khách hàng như Hi-FPT phiên bản mới, đa dạng kênh thanh toán... nhằm tạo sự thuận lợi tối đa cho khách hàng.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt, thị trường ngày một “bão hòa”, việc tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng các mảng kinh doanh ở mức hai con số là nỗ lực không ngừng của Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong việc đổi mới

hoạt động kinh doanh, nắm bắt và xử lý nhanh nhạy các vấn đề phát sinh, đề cao tinh thần đổi mới sáng tạo; cải thiện chất lượng dịch vụ, gia tăng trải nghiệm và sự hài lòng cho khách hàng. Năm 2018 không thể không nhắc đến chương trình chạy tiếp sức xuyên Việt “Hành trình kết nối” mà Công ty đã tổ chức thành công với sự tham gia của hơn 3.000 người, kéo dài xuyên suốt 31 ngày, di chuyển qua quãng đường hơn 2.600km dọc theo chiều dài đất nước với 31 chặng tại 29 tỉnh/thành. “Hành trình kết nối” là niềm tin nối dài trên tuyến đường từ Bắc vào Nam của toàn thể cán bộ công nhân viên cũng như ban lãnh đạo của FPT Telecom. Đây là một minh chứng cho tinh thần của người FPT với niềm tin, tinh thần nhiệt huyết và sự nỗ lực bền bỉ, mang Công nghệ thông tin đến kết nối người dân Việt Nam lại gần nhau hơn; đặc biệt còn thể hiện khát vọng mạng lưới Internet FPT vươn ra thế giới, khẳng định vị thế của mình trên thị trường quốc tế.

Trong những năm tới, FPT Telecom sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư mở rộng vùng phủ, nâng cao chất lượng đường truyền trong nước cũng như quốc tế để tạo cơ sở nền tảng vững chắc cho các dịch vụ của Công ty. Đối với các dịch vụ hiện có, Công ty sẽ luôn nỗ lực làm giàu nội dung truyền hình, phát triển các dịch vụ số cũng như bổ sung nhiều tiện ích khác cho khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ đi tiên phong trong công cuộc chuyển đổi số với hàng loạt các sản phẩm, dịch vụ thông minh mới mà đầu tiên sẽ là camera thông minh cho gia đình.

Năm 2019, FPT Telecom tiếp tục khẳng định quyết tâm cao với mục tiêu tăng trưởng bền vững ở mức 2 con số: doanh thu mục tiêu đạt 9.980 tỷ đồng, tăng trưởng 13,1% và lợi nhuận trước thuế đạt 1.660 tỷ đồng, tăng trưởng 13,9% so với năm 2018.

Với sự nhiệt huyết, tinh thần đoàn kết, năng động sáng tạo của tập thể lãnh đạo và người lao động Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng và quyết tâm hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra. Rất mong quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi, hướng đến tương lai, nâng thương hiệu FPT Telecom lên tầm cao mới.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn quý vị,

Trân trọng kính chào!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHU THỊ THANH HÀ

ĐIỂM NHẤN FPT TELECOM 2018



8.822 tỷ

Doanh thu thuần
tăng trưởng 15,3% YoY



1.458 tỷ

Lợi nhuận trước thuế
tăng trưởng 19,8% YoY



11.724 tỷ

Tổng tài sản
tăng trưởng 42,7% YoY



4.121 tỷ

Vốn chủ sở hữu
tăng trưởng 24,8% YoY



4.156đ/cp

EPS



189

**Văn phòng
và điểm giao dịch**



9.412

Cán bộ nhân viên



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

- ▶ Top 100 Doanh nghiệp đạt chỉ số năng lực quản trị tài chính tốt trên sàn chứng khoán Việt Nam năm 2018
- ▶ Kỷ lục Thế giới cho chương trình "Hành trình Kết nối"
- ▶ Giải thưởng "Nhà cung cấp có chất lượng dịch vụ Internet cố định tốc độ cao - ADSL & FIBER tiêu biểu"
- ▶ Danh hiệu Sao Khuê năm 2018
- ▶ Giải thưởng TOP ICT 2017 của HCA
- ▶ Giải thưởng Doanh nghiệp chuyển đổi kỹ thuật số ATSA 2016
- ▶ Danh hiệu Sao Khuê liên tiếp trong nhiều năm từ 2012 - 2015
- ▶ Huy chương Vàng ICT Việt Nam 2015
- ▶ Thương hiệu Việt tiêu biểu 2014
- ▶ Doanh nghiệp dịch vụ được hài lòng nhất 2013
- ▶ Huy chương Vàng đơn vị Internet, Viễn thông 2012
- ▶ Huy chương Vàng đơn vị CNTT-TT Việt Nam 2006



CÁC CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ



*“Chúng tôi mong
muốn, trong một tương
lai không xa, mỗi người
dân Việt Nam sẽ sử
dụng ít nhất một dịch
vụ của FPT Telecom”*

TỔNG QUAN

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 31 tháng 07 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, là bản sửa đổi lần thứ 23 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 7 năm 2005.

Vốn điều lệ: 2.261.597.240.000 đồng

Tên viết tắt: FTEL

Mã chứng khoán: FOX



Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Văn phòng Hà Nội: Tầng 5, Tòa nhà PVI, Số 1 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Văn phòng HCM: Lô 29A-31A-33A, Tòa nhà FPT, Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-24) 7300 2222

Fax: (84-24) 7300 8889

Website: www.fpt.vn

Facebook chính thức: www.facebook.com/FptTelecom

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

31/1/1997

Trung tâm FPT Internet (FPT Online Exchange - FOX - tiền thân của FPT Telecom) được thành lập tại Hà Nội với sản phẩm mang trí tuệ Việt Nam.



Năm 2002

Trở thành nhà cung cấp kết nối Internet IXP (Internet Exchange Provider).



Năm 2007

Mở rộng hoạt động trên phạm vi toàn quốc.
Trở thành thành viên chính thức của liên minh AAG.



Năm 2009

Đạt mốc doanh thu 100 triệu Đô la Mỹ.



Năm 2013

Tham gia cung cấp dịch vụ truyền hình IPTV với thương hiệu Truyền hình FPT



Năm 2016

Khai trương Trung tâm dữ liệu chuẩn Uptime TIER III lớn nhất miền Nam.

Được cấp phép triển khai thử nghiệm mạng 4G tại Việt Nam.



Năm 2018

Hoàn thành việc quang hóa hạ tầng trên phạm vi toàn quốc

Box truyền hình 4K, Voice remote.



Năm 2001

Ra mắt trang báo điện tử đầu tiên tại Việt Nam - VnExpress.net.



Năm 2005

Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom).



Năm 2008

Trở thành nhà cung cấp dịch vụ Internet cáp quang băng rộng (FTTH) đầu tiên tại Việt Nam.



Năm 2012

Hoàn thiện tuyến trục Bắc - Nam với tổng chiều dài 4.000km, đi qua 30 tỉnh thành.



Năm 2014

FPT Telecom có mặt trên đất nước Myanmar.

Là một trong những đơn vị dẫn đầu trong chuyển đổi IPv6.



Năm 2017

Chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán UPCOM.

Ra mắt gói dịch vụ Internet tốc độ nhanh nhất Việt Nam SOC - 1Gbps.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Cung cấp hạ tầng và dịch vụ viễn thông

- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet);
- Hoạt động của các điểm truy cập internet;
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ fax gia tăng giá trị, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, dịch vụ chuyển đổi mã và giao thức, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng;
- Dịch vụ viễn thông cố định quốc tế; Dịch vụ viễn thông cố định đường dài trong nước;
- Dịch vụ viễn thông cố định nội hạt: dịch vụ điện thoại, fax, dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình, dịch vụ thuê kênh, dịch vụ telex, dịch vụ điện báo;
- Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, internet;
- Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, internet;
- Cung cấp hạ tầng mạng viễn thông cho dịch vụ internet băng thông rộng;
- Hoạt động viễn thông có dây;



Truyền hình trả tiền, dịch vụ giá trị gia tăng và nội dung số

- Hoạt động truyền hình cáp;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ truyền hình, phim ảnh, âm nhạc trên mạng internet, điện thoại di động;
- Dịch vụ tin nhắn, dữ liệu, thông tin giải trí trên mạng điện thoại di động;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet, điện thoại di động;
- Đại lý, cung cấp trò chơi trực tuyến trên mạng Internet, điện thoại di động;
- Hoạt động phát hành phim ảnh, phim video và chương trình truyền hình: Dịch vụ phát hành phim ảnh, giải trí, giá trị gia tăng trên mạng viễn thông internet; Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ; Hoạt động chiếu phim; Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Thi công, dịch vụ lắp đặt hệ thống truyền hình cáp, tư vấn, thiết kế lắp đặt chuyển giao công nghệ máy móc thiết bị phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông;

Các hoạt động khác

- Xuất nhập khẩu thiết bị mạng viễn thông và internet;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn vật tư máy móc chuyên dụng, dân dụng về phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản phần mềm; Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Sản xuất thiết bị truyền thông; Cổng thông tin; Quảng cáo.



CÁC DỊCH VỤ CHỦ ĐẠO

Cáp quang FTTH

FTTH hiện đang là công nghệ kết nối viễn thông tiên tiến nhất trên thế giới. Với đường truyền dẫn hoàn toàn bằng cáp quang, công nghệ này sở hữu nhiều tính năng ưu việt với tốc độ truyền tải dữ liệu vượt trội; chất lượng tín hiệu ổn định; thiết bị an toàn; đăng ký dễ dàng tiện lợi; thời gian lắp đặt dịch vụ nhanh chóng; quản lý cước rõ ràng; chăm sóc khách hàng 24/7; dễ dàng nâng cấp băng thông; là giải pháp đáp ứng tốt nhất cho các ứng dụng Công nghệ thông tin hiện đại.



Truyền hình FPT



Truyền hình FPT là dịch vụ tiên phong trong việc sử dụng công nghệ IPTV tại Việt Nam với hơn 170 kênh trong nước và quốc tế với chất lượng hình ảnh sắc nét, âm thanh sống động. Với thông điệp **“Xem là yêu”** Truyền hình FPT tiên phong trong lĩnh vực truyền hình tương tác với các ứng dụng: **“Karativi”** - hát thỏa thích; **“tương tác trực tiếp cùng người nổi tiếng”**; nhận tiền thưởng với **“Mở két”**; dự đoán bóng đá **“Vui là chính”**; nghe nhạc trực tuyến với **“Âm nhạc”**; đọc báo; YouTube, tính năm Multicam – chuyển đổi góc nhìn...

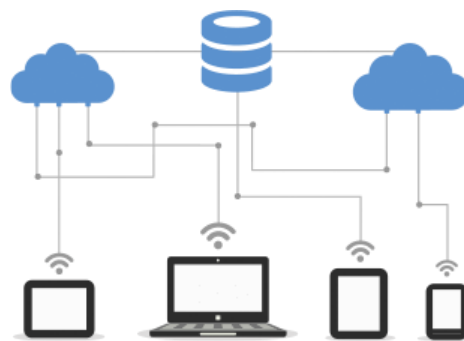
FPT Play Box

FPT Play Box là giải pháp truyền hình Internet OTT thế hệ mới đem lại cho khách hàng trải nghiệm xem truyền hình “không bị giới hạn” về nội dung, không gian, thời gian, thiết bị, nhà mạng...



Kênh thuê riêng (Leased line)

Internet Leased Line là dịch vụ cung cấp kết nối Internet trực tiếp ra Quốc tế (GIA) và Internet trong nước (NIX). Khác với các kết nối Internet thông thường, đường truyền Internet Leased Line có thể cung cấp mọi tốc độ từ 01 Mbps đến hàng chục Gbps với cam kết tốt nhất về độ ổn định, tốc độ kết nối, tính riêng biệt cùng với chế độ chăm sóc khách hàng đặc biệt.



Trung tâm dữ liệu (Data center)



Dịch vụ cung cấp các loại máy chủ chuyên dùng, không gian đặt tủ rack, không gian đặt máy chủ và các kết nối từ máy chủ ra môi trường Internet hay kết nối riêng trực tiếp đến văn phòng khách hàng thông qua môi trường Intranet với hệ thống Trung tâm dữ liệu (Data Center) chuẩn Uptime Tier III quy mô lớn hàng đầu Việt Nam.

Dịch vụ trực tuyến

Online media: Hệ thống báo điện tử VNExpress với hơn 15 tỷ lượt xem mỗi ngày.

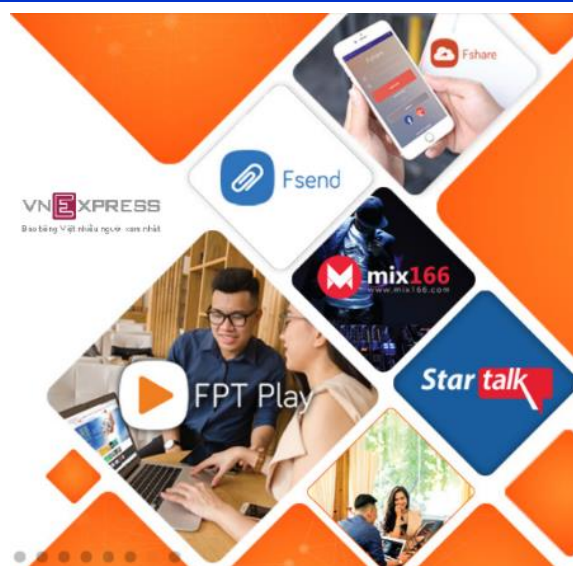
FPT Play: Là ứng dụng giải trí đa phương tiện, cho phép xem truyền hình trực tuyến, phim truyện, thể thao, ca nhạc trên mọi nền tảng như Windows, Web, Iphone IOS, Android và mọi loại thiết bị như Smartphone, SmartTV, Android TV, Smart TV Box...

Fshare: Là dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tài nguyên trực tuyến hàng đầu tại Việt Nam hiện nay, ứng dụng nền tảng công nghệ điện toán đám mây với dung lượng và hệ thống lưu trữ tốt nhất đặt tại các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế.

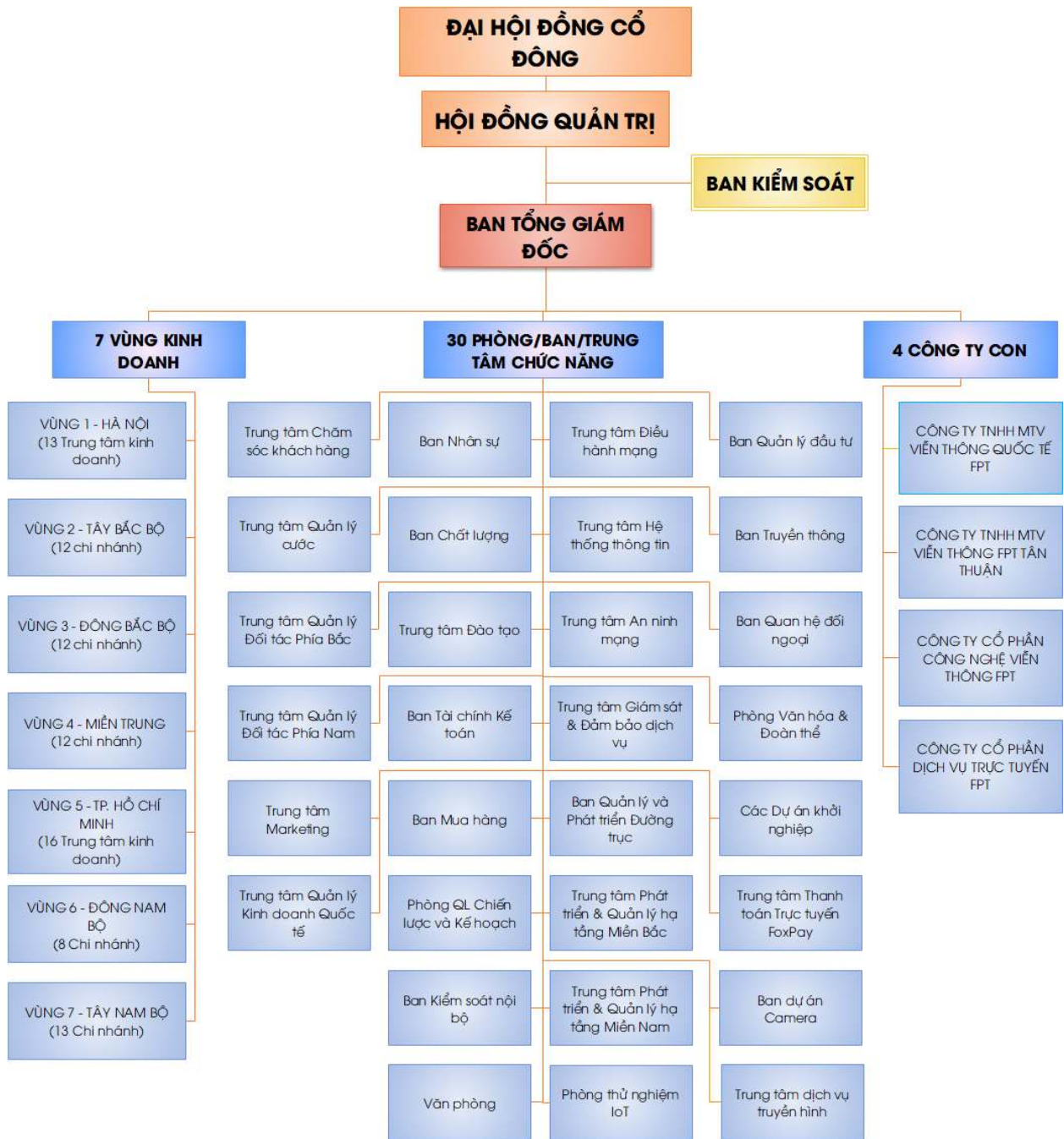
Fsend: Là dịch vụ gửi tập tin tốc độ cao, hỗ trợ dung lượng lớn đến 20GB qua email mà không cần đăng ký tài khoản.

Mix166: Mix 166 là một ứng dụng nghe nhạc EDM (Electronic Dance Music) đầu tiên ở Việt Nam; là nơi các nghệ sĩ giao lưu đăng tải, và có thu nhập từ chính các sản phẩm âm nhạc của mình.

Startalk: Startalk đem đến một nền tảng truyền hình trực tuyến đầu tiên của Việt Nam. Các thông tin xã hội, showbiz, thời trang, làm đẹp, ăn chơi, cộng đồng đều được thể hiện dưới dạng video clip, trực quan, sinh động và hấp dẫn.



CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY CON



Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế (FTI)

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Internet, đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác



Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác



Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông FPT (FCN)

Vốn điều lệ: 69.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 99,99%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác



Công Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC)

Vốn điều lệ: 147.873.360.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 56,32%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Game Online, Báo điện tử, thanh toán điện tử

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng Quản trị



Bà **Chu Thị Thanh Hà** - Chủ tịch HĐQT
 Năm sinh: 1974
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Bà gia nhập FPT từ năm 1995. Bà có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của FPT Telecom, góp phần đưa FPT Telecom trở thành một trong những công ty Viễn thông hàng đầu Việt Nam.

Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: PGĐ Trung tâm Internet FPT (1999); PTGD FPT Telecom (2003); Phó Chủ tịch HĐQT FPT Telecom (2008); TGD FPT Telecom (2009); Phó Tổng Giám đốc FPT (2012).



Ông **Trương Gia Bình** - Thành viên HĐQT
 Năm sinh: 1956
 Trình độ chuyên môn: Phó giáo sư, Tiến sỹ Toán-Lý

Sáng lập ra FPT năm 1998, ông là nhà tổ chức, người tập hợp lực lượng của FPT. Với tầm nhìn xa, ông luôn đưa ra những định hướng chiến lược có tính bước ngoặt cho sự phát triển của FPT.

Ông được bình chọn là một trong 10 nhân vật tiêu biểu của ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) Việt Nam giai đoạn 2000-2009. Ông hiện còn là Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm Việt Nam.



Ông **Bùi Quang Ngọc** - Thành viên HĐQT
 Năm sinh: 1956
 Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Cơ sở dữ liệu; Cử nhân Toán

Ông Bùi Quang Ngọc là một trong 13 thành viên sáng lập của Tập đoàn FPT và là lãnh đạo đầu tiên phụ trách mảng CNTT của FPT, tiền thân của các công ty thành viên như FPT IS, FPT Software, FPT Telecom, FPT Trading.

Là một nhà quản trị xuất sắc của FPT, ông là người triển khai xây dựng và tiên phong trong việc hiện đại hóa hệ thống quản trị FPT, đảm bảo mọi hoạt động của Tập đoàn hiệu quả, chuẩn xác và theo quy chuẩn chất lượng quốc tế.



Ông **Nguyễn Văn Khoa** - Thành viên HĐQT
 Năm sinh: 1977
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng tại FPT Telecom từ năm 2000 đến nay như: Phó Giám đốc Kinh doanh khu vực phía Bắc, Giám đốc Trung tâm Quản lý hạ tầng, Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT, ...

Ông hiện là Tổng giám đốc Công ty Hệ thống thông tin FPT, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn FPT.



Ông **Nguyễn Quốc Trị** - Thành viên HĐQT
 Năm sinh: 1965
 Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Ông Nguyễn Quốc Trị được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ ngày 28/3/2018 với nhiệm kỳ 2018-2023.

Ông hiện đang giữ chức vụ Hàm Trưởng ban Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Công tác tại SCIC từ năm 2008, ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như chuyên viên Ban Đầu tư 2; kiểm soát viên chuyên trách; phó bí thư Chi bộ quản lý rủi ro – Pháp chế...



Bà **Lê Ngọc Diệp** - Thành viên HĐQT
 Năm sinh: 1976
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị công – ĐH Quốc gia Singapore; Cử nhân Ngân hàng tài chính.

Bà Lê Ngọc Diệp được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ ngày 28/3/2018 với nhiệm kỳ 2018-2023.

Bà hiện đang giữ chức vụ Phó trưởng Ban – Ban Đầu tư 4 thuộc SCIC. Công tác tại SCIC từ năm 2008 đến nay, bà từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như chuyên viên Ban Quản lý vốn đầu tư 1; Phó trưởng Ban – Ban Quản lý vốn đầu tư 1.

 **Ban Tổng Giám đốc**

Ông **Hoàng Việt Anh** - Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,
Kỹ sư Công nghệ thông tin

Ông Hoàng Việt Anh gia nhập FPT năm 1993 khi là sinh viên ĐH Bách khoa Hà Nội với vị trí lập trình viên. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Công ty Phần mềm FPT (FPT Software) như Tổng giám đốc, Phó TGD điều hành, Giám đốc FPT châu Á - Thái Bình Dương.

Ông được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom từ ngày 01/03/2018 với nhiệm kỳ 3 năm.



Ông **Nguyễn Hoàng Linh** - Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Gia nhập FPT năm 2008 và giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty TNHH FPT Telecom Miền Nam.

Ông là Giám đốc Tài chính FPT Telecom từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2012. Tháng 1/2013, ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Bà **Vũ Thị Mai Hương** - Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tin học

Bà gia nhập FPT từ năm 1993. Đến nay, bà đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí ở FPT Telecom như Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (FPT Telecom International – FTI), Phó Ban nhân sự FPT Telecom. Tháng 4/2011, bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Ông **Chu Hùng Thắng** - Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử Viễn thông

Trong thời gian 2001-2007, ông làm việc tại Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT với các vị trí Trưởng phòng kỹ thuật triển khai, Phó giám đốc Trung tâm FIS 3. Năm 2008, ông chuyển sang FPT Telecom giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh Hà Nội 3. Sau đó, ông lần lượt đảm nhiệm qua nhiều vị trí thuộc FPT Telecom: Giám đốc điều hành kinh doanh vùng 2 (Tây Bắc Bộ), vùng 3 (Đông Bắc Bộ) và vùng 1 (Hà Nội). Tháng 12/2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Ông **Hoàng Trung Kiên** - Phó Tổng Giám đốc
 Năm sinh: 1978
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Ông gia nhập FPT từ năm 2000 và trải qua nhiều vị trí như Phó Giám đốc Trung tâm dữ liệu Internet, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH IDS, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội 1, Giám đốc Trung tâm phát triển kinh doanh, Giám đốc điều hành kinh doanh vùng Hà Nội và vùng Tây Bắc Bộ. Năm 2012, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Ông **Vũ Anh Tú** - Phó Tổng Giám đốc
 Năm sinh: 1978
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thông tin

Ông gia nhập FPT từ năm 2001. Năm 2008, ông giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Điều hành của FPT Telecom. Năm 2012, ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công nghệ của FPT Telecom. Năm 2016, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Ông **Nguyễn Thanh Bình** - Giám đốc Tài chính
 Năm sinh: 1976
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Ông gia nhập FPT Telecom từ năm 2009 với vị trí Phó Ban Tài Chính. Năm 2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính.



 **Ban Kiểm soát**

Ông **Lương Quốc Lâm** - Trưởng Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1980
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị Tài Chính

Gia nhập FPT từ năm 2003, hiện tại, ông đảm nhiệm vị trí trưởng Bộ phận phân tích đầu tư, Ban Tài chính Công ty Cổ phần FPT.



Ông **Phan Phương Đạt** - Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ toán học

Ông gia nhập FPT từ năm 1999, trong gần 20 năm làm việc tại FPT trên nhiều cương vị quan trọng như Giám đốc nhân sự FPT, Phó Tổng Giám đốc FPT Software, Hiệu phó Đại học FPT... Hiện tại, ông là Trưởng ban Đào tạo FUNiX, đồng thời phụ trách Câu lạc bộ Tài năng trẻ FPT (FPT Young Talents – FYT)



Ông **Đỗ Xuân Phúc** - Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1985
Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Ông Đỗ Xuân Phúc được bổ nhiệm vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát của FPT Telecom từ ngày 28/3/2018. Ông hiện đang giữ vị trí Chuyên viên Ban đầu tư 4, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Nhằm hướng tới mục tiêu tăng trưởng nhanh và ổn định, Công ty đã đề ra 5 chương trình hành động chiến lược cho giai đoạn 2019-2021 như sau:

Chương trình hành động chiến lược số 1 là mở rộng vùng phủ và triển khai mạng tốc độ cao. Cụ thể, vùng phủ mở rộng đến xã, huyện, đặc biệt tập trung vào khai thác các khu dân cư, khu dự án xây dựng. FPT Telecom bắt đầu có những thử nghiệm để khai thác triển khai mạng Giganet, được kết nối đến hộ gia đình với tốc độ lên tới Gigabit/s, cao gấp hàng trăm lần so với tốc độ Megabit/s như hiện nay.

Chương trình hành động chiến lược số 2 là tiếp tục nghiên cứu, đầu tư để đưa ra các sản phẩm dịch vụ có tính năng mới, ví dụ những việc đã và đang làm: IP Camera, bàn thảo xây dựng mạng wifi quảng cáo Việt Nam, đầu tư cho FTI trong lĩnh vực ERP, các tính năng mới như "second screen" của Truyền hình cũng sẽ được lên kế hoạch để triển khai trong thời gian tới.

Chương trình hành động chiến lược số 3 là đẩy mạnh triển khai CEM (quản trị trải nghiệm khách hàng), đây cũng là một chiến lược FPT Telecom đã và đang thực hiện. Tuy nhiên, CEM sẽ được đặc biệt chú trọng cải thiện để đáp ứng yêu cầu cho những năm tới.

Chương trình hành động chiến lược số 4 là tăng cường đầu tư cho Truyền hình và OTT. Việc tập trung đầu tư vào nội dung, sản xuất cũng như sở hữu nội dung độc quyền sẽ là trọng tâm chiến lược số 4.

Và cuối cùng, chương trình hành động chiến lược số 5, để thực hiện thành công các việc nói trên, công việc chuyển đổi số của FPT Telecom sẽ là nền tảng của tất cả các nền tảng và cần được đẩy nhanh lên gấp nhiều lần trong thời gian sắp tới.



The cover features a central circle divided into two halves: a pink-to-white gradient on the left and a brown-to-white gradient on the right. The background is a teal-to-blue gradient with a network of white lines and dots. The text is centered in the circle.

**TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG 2018
VÀ
KẾ HOẠCH 2019**

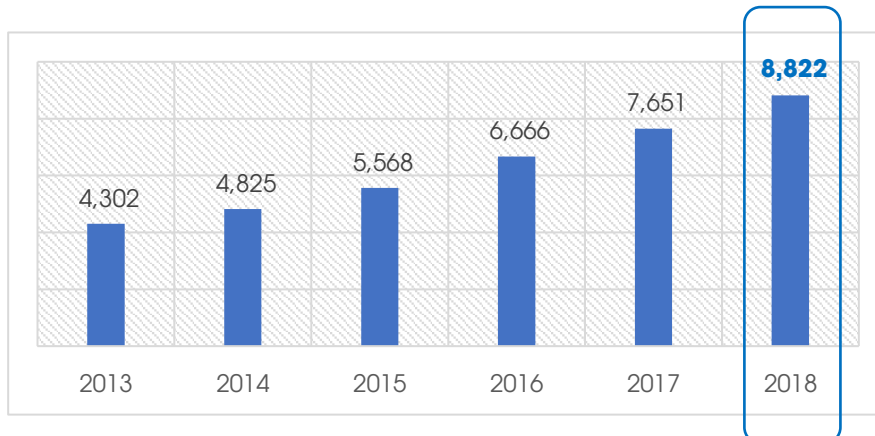
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NỔI BẬT



DOANH THU THUẦN

8.822 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG **15,3% YOY**.

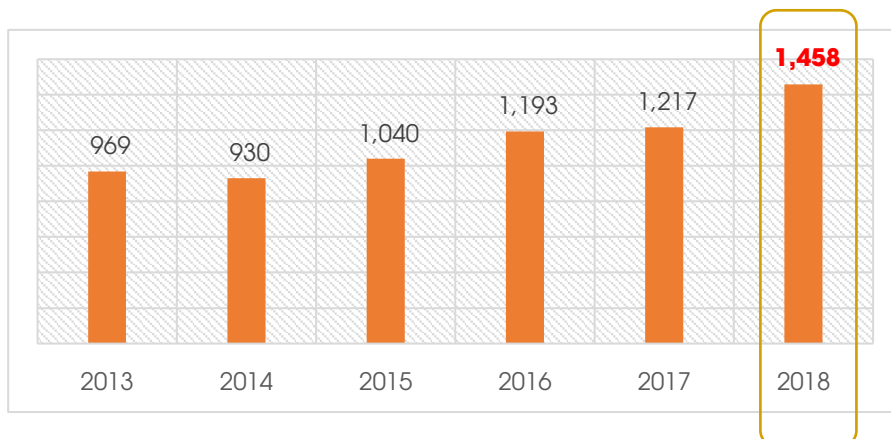
Kể từ năm 2014 đến nay, FPT Telecom luôn giữ vững tốc độ tăng trưởng doanh thu ấn tượng ở mức 2 con số với mức tăng trưởng hàng năm từ 15%-20%.



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

1,458 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG **19,8% YOY**

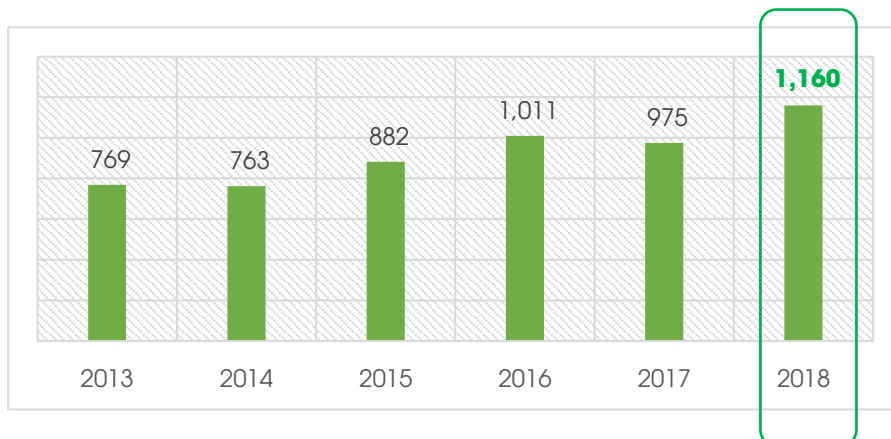
Năm 2018 chứng kiến một bước nhảy vọt về hiệu quả hoạt động khi lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 19,8% so với năm 2017.



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

1.160 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG **19,0% YOY**.

Song hành với lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế toàn công ty cũng giữ vững đà phát triển với mức tăng trưởng 19% so với năm 2017.

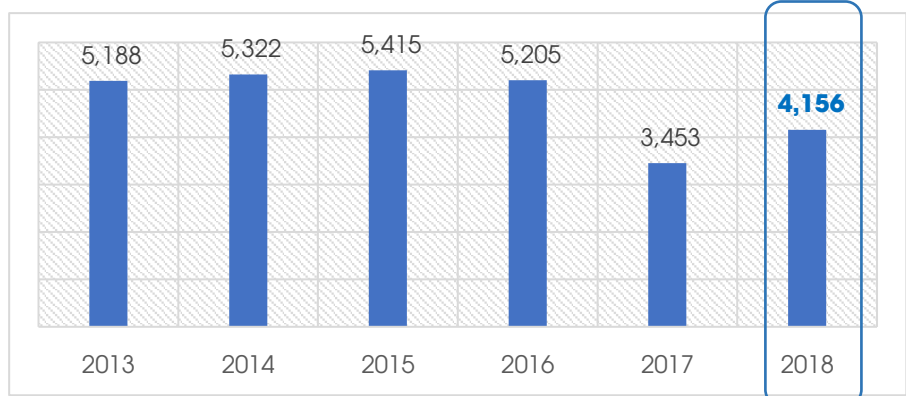




LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (EPS)

4.156 ĐỒNG/CP, TĂNG TRƯỞNG 20,3% YOY

Nhờ lợi nhuận tăng cao, EPS của FPT Telecom cũng có mức tăng trưởng đáng kể, lên đến 20,3% so với năm 2017; không phụ sự kỳ vọng và tin tưởng của các nhà đầu tư.



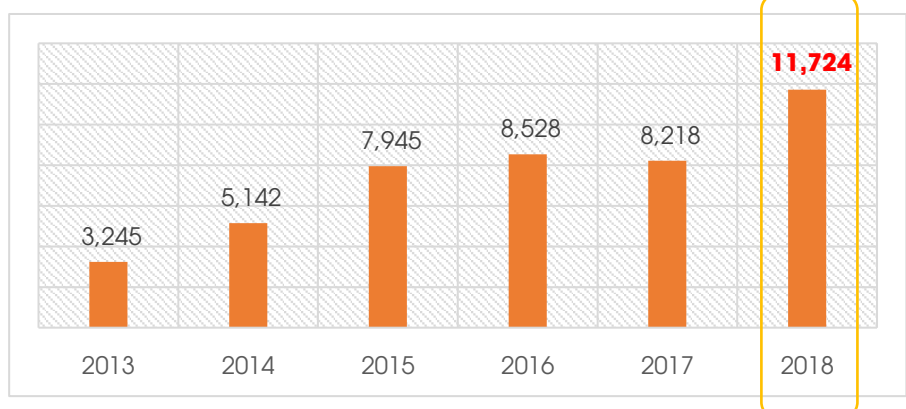
(*) EPS năm 2017 được điều chỉnh hồi tố cho tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 từ lợi nhuận để lại năm 2017; và quy định mới về cách tính EPS theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



TỔNG TÀI SẢN

11.724 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 42,7% YOY

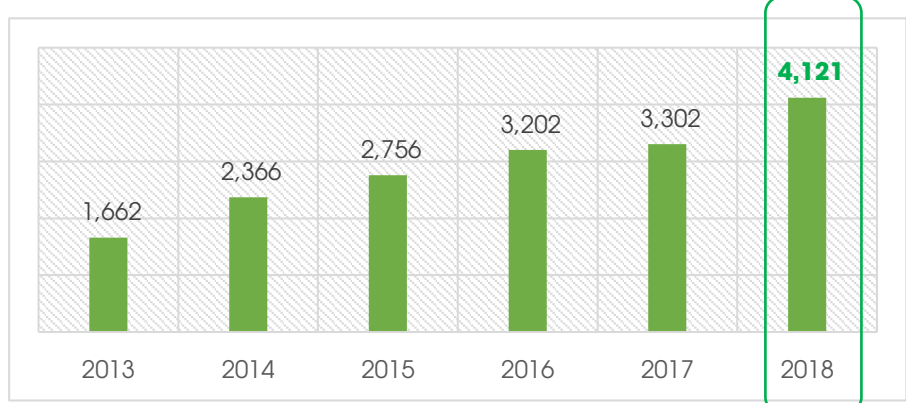
Tổng tài sản của Công ty tăng trưởng đến 42,7% so với năm 2017. Đây là kết quả của chiến lược "hạ tầng đi trước" với mong muốn tạo cơ sở vững mạnh để đảm bảo chất lượng và mở rộng dịch vụ của Công ty.



VỐN CHỦ SỞ HỮU

4.121 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 24,8% YOY

Nguồn vốn tiếp tục được bảo toàn; là nền tảng cho sự phát triển bền vững của FPT Telecom.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017	% Tăng giảm
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	8,821,523	7,651,360	15.3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	1,454,146	1,238,648	17.4%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1,457,531	1,216,922	19.8%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1,159,596	974,624	19.0%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/Cp	4,156	3,453	20.3%



Năm 2018, FPT Telecom tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng nhanh và ổn định, Doanh thu hợp nhất toàn công ty đạt 8.822 tỷ đồng, tăng trưởng 15,3% so với năm 2017. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.458 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.160 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu thực tế đạt 4.156 đồng/cổ phần. Tổng tài sản của Công ty tính đến cuối năm 2018 đạt 11.723 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 4.121 tỷ đồng, vốn điều lệ là 2.262 tỷ đồng.

Các mảng kinh doanh chính của Công ty vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao và ổn định. Cụ thể, doanh thu từ mảng dịch vụ khách hàng doanh nghiệp (kênh thuê riêng, thoại trong nước, cho thuê máy chủ và chỗ đặt máy chủ, dịch vụ lưu trữ ảo hóa,...) tăng trưởng 16,9% so với năm 2017 và hoàn thành 100% kế hoạch đề ra. Doanh thu từ mảng dịch vụ broadband tăng trưởng 12,5% so với năm 2017 và hoàn thành 103% kế hoạch đề ra. Số lượng thuê bao phát triển mới trong năm 2018 của Công ty tăng trưởng tốt và vượt mức kế hoạch đề ra. Mảng dịch vụ truyền hình trả tiền cũng ghi nhận kết quả tốt với phát triển thuê bao tăng mạnh và doanh thu hoàn thành 104% kế hoạch năm. Doanh thu của mảng dịch vụ nội dung số tăng trưởng 3,5% so với năm 2017, đạt 94,4% kế hoạch đề ra do sự cạnh tranh gay gắt của mạng xã hội (Facebook, Google+...), truyền hình, digital marketing...

Để đạt được con số ấn tượng nêu trên, toàn thể Ban lãnh đạo và các cán bộ công nhân viên ở từng phòng ban, từng mảng dịch vụ của FPT Telecom luôn không ngừng tìm tòi, nghiên cứu, sáng tạo để cải tiến sản phẩm, nâng cấp dịch vụ, tăng cường trải nghiệm cho khách hàng.



Dịch vụ internet băng rộng

Ngay từ đầu năm, hướng tới chào mừng 30 năm thành lập FPT và kỷ niệm 21 năm Internet FPT, Công ty tổ chức chương trình **“Tăng tốc độ - Cuộc không đổi 2018”** cho các khách hàng đang sử dụng Internet cáp quang của FPT trên toàn quốc với mong muốn góp phần mang lại cho khách hàng những trải nghiệm ngày một tốt hơn. Với chương trình này, các khách hàng sẽ được hệ thống tự động nâng cấp băng thông, với mức nâng cao nhất có thể lên tới 30% so với trước đó và hoàn toàn miễn phí.

Tổng Giám đốc FPT Telecom chia sẻ: *“Trải nghiệm tốt hơn, kết nối nhanh và hiệu quả hơn với chi phí tối ưu là những giá trị mà FPT Telecom luôn mong muốn mang đến cho khách hàng. Với định hướng chuyển dịch từ nhà cung cấp dịch vụ (service provider) sang nhà cung cấp trải nghiệm (experience provider), chương trình Tăng tốc độ, cuộc không đổi được FPT Telecom nỗ lực duy trì thường niên nhằm mang đến cho khách hàng những lợi ích ngày một gia tăng cũng như thúc đẩy sự cải tiến về tốc độ và chất lượng cho người dùng. Đồng thời, đây cũng là lời cảm ơn chân thành của chúng tôi gửi đến tất cả các khách hàng đã đồng hành cùng sự phát triển của FPT trong suốt những năm qua”*.



Bên cạnh đó, từ đầu tháng 01/2018, FPT Telecom cũng chính thức trang bị Modem Wi-Fi băng tần kép thế hệ mới - **MODEM WI-FI CHUẨN AC WAVE 2 MU-MIMO** với công nghệ vượt trội dành cho khách hàng đăng ký mới dịch vụ Internet cáp quang FPT tại Hà Nội và Tp.HCM cùng kế hoạch triển khai ở các khu vực khác trong thời gian tới.

Dịch vụ truyền hình trả tiền

Liên tục đổi mới, nâng cấp sản phẩm với việc trình làng Voice Remote

Voice Remote (điều khiển thông minh nhận diện giọng nói) là sản phẩm ứng dụng công nghệ 4.0 của thương hiệu công nghệ FPT Telecom. Vượt trội hơn so với những chiếc điều khiển truyền thống, Voice remote có khả năng nhận diện giọng nói thông minh với 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh cũng như nhận diện tối đa ngôn ngữ vùng miền; giúp người dùng điều khiển thiết bị FPT Play Box một cách đơn giản hơn chỉ bằng việc “giữ phím” và đưa ra khẩu lệnh. Voice Remote không chỉ cho phép nhập liệu và điều khiển các nội dung của FPT Play Box như tìm kiếm kênh truyền hình, mở nội dung, mở ứng dụng, mà sản phẩm này còn cho phép tìm nội dung bị mong muốn với ứng dụng Karaoke, và Youtube trên FPT Play Box.



Tiên phong công nghệ truyền hình tương tác

Truyền hình tương tác đang từng bước thay đổi hành vi xem tivi theo cách truyền thống trở nên thú vị hơn, hữu ích hơn trong thời đại internet toàn cầu. Ở kỷ nguyên của truyền hình tương tác, người dùng có thể chủ động xem bất cứ nội dung nào mình mong muốn, không giới hạn thời gian đóng khung theo lịch phát sóng. Truyền hình tương tác còn cho phép người dùng dễ dàng tương tác với chính chương trình mình đang xem như lựa chọn góc máy quay, giao tiếp với MC hay lựa chọn đáp án của một chương trình gameshow trực tiếp...



Những tính năng tương tác vượt trội của Truyền hình FPT có thể kể đến là:

- **Truyền hình xem lại:** chủ động xem lại những chương trình đã phát, không phụ thuộc vào lịch phát sóng.
- **Giám sát nội dung trẻ em:** giúp các bậc phụ huynh dễ dàng thiết lập và quản lý nội dung xem của trẻ theo độ tuổi và thời gian xem.
- **Lịch phát sóng tổng hợp (EPG):** cho phép người dùng được xem trước lịch phát sóng của các kênh truyền hình. Đặc biệt, khi sử dụng tính năng Cài đặt hẹn giờ, hệ thống sẽ tự động thông báo để khán giả tiện theo dõi.
- **Tùy chỉnh ngôn ngữ:** cho phép người dùng bật/tắt thuyết minh, phụ đề tiếng Việt hoặc ngôn ngữ gốc của nhiều kênh truyền hình quốc tế.
- **Lưu yêu thích:** là tính năng giúp khán giả có thể lưu các kênh, các chương trình mà mình yêu thích.
- **Điều khiển bằng giọng nói:** Thay thế remote truyền thống bằng app FPT TV remote trên điện thoại di động.

Tích cực làm giàu kho nội dung

Trong năm 2018, Truyền hình FPT đạt được thỏa thuận mua trọn gói bản quyền phát sóng **Giải bóng đá nhà nghề Italia - Serie A** trong 3 mùa giải 2018-2021. Người hâm mộ sẽ được thưởng thức trọn vẹn 380 trận cầu đỉnh cao của Giải Serie A trên hệ thống Truyền hình FPT, thưởng thức màn trình diễn đỉnh cao của những siêu sao như Cristiano Ronaldo, Higuain trên khắp các sân cỏ nước Ý.



Đồng hành trong suốt mùa giải sẽ là các chương trình độc quyền được đầu tư sản xuất với format mới lạ bởi Truyền hình FPT như chương trình bình luận mang tên "Spogliatoi" (Phòng thay đồ), sê-ri chương trình Hành trình như Ý... Cùng với đó là chương trình trò chơi tương tác Lẩu cá kèo, lên sóng đều đặn vào thứ 3 và thứ 6 hàng tuần.

Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ

Cũng trong năm 2018, truyền hình FPT chính thức nâng cấp hàng loạt kênh quốc tế từ định dạng SD lên HD cho gói kênh Cơ bản, bao gồm cả các kênh được khách hàng thường xuyên theo dõi như: Fox Movies, HBO, Max by HBO, Cartoon Network, Disney Channel, AXN, Fox Life, Channel V, Fashion TV, Fox Sports, Fox Sports 2, NHK World - Japan, DW, National Geographic, Discovery.

Chương trình nâng cấp này cùng với việc đầu tư mua bản quyền phát sóng các nhóm kênh quốc tế hay các giải đấu thể thao đỉnh cao, các chương trình văn hóa nghệ thuật đặc sắc... đều nằm trong chiến lược phát triển nội dung đa dạng và khác biệt của Truyền hình FPT nhằm mang đến cho khán giả “bữa tiệc giải trí” đúng nghĩa”.



Gia tăng tiện ích cho khách hàng

Hi-FPT phiên bản mới 4.4 được trình làng trong năm kèm theo hàng loạt nâng cấp đáng giá với mong muốn tương tác tốt hơn với người dùng cũng như tạo sự thuận lợi tối đa cho khách hàng. Với phiên bản mới, khách hàng sử dụng dịch vụ của FPT Telecom đã có thể kiểm tra thông tin gói dịch vụ truyền hình, đổi tên Box truyền hình, xem hóa đơn điện tử trực tuyến, tra cứu thông tin các điểm giao dịch ...

Hi FPT

Chạm liền tay,
Hỗ trợ ngay.



-  An toàn và bảo mật
-  Hỗ trợ nhanh chóng
-  Tiết kiệm chi phí
-  Đơn giản hoá thủ tục

Bên cạnh các hình thức thanh toán hiện tại, Hi-FPT cũng đã bổ sung thêm hàng loạt các kênh thanh toán với chuẩn bảo mật quốc tế. Khách hàng hoàn toàn yên tâm và có thể chủ động lựa chọn kênh thanh toán phù hợp, thuận tiện nhất như: VNPAY QR, ví điện tử MoMo, dịch vụ thanh toán cước tự động AutoPay liên kết với hàng loạt các ngân hàng lớn...

Tài sản ngắn hạn và dài hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	7,034,989	4,260,887	65.1%
Tiền và các khoản tương đương tiền	"	544,516	637,367	-14.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	"	3,792,299	1,472,830	157.5%
Phải thu ngắn hạn	"	984,461	836,928	17.6%
Hàng tồn kho	"	840,231	519,570	61.7%
Tài sản ngắn hạn khác	"	873,482	794,191	10.0%
Tài sản dài hạn	"	4,688,852	3,956,838	18.5%
Các khoản phải thu dài hạn	"	22,061	21,095	4.6%
Tài sản cố định	"	4,089,813	3,456,646	18.3%
Tài sản dở dang dài hạn	"	48,950	17,227	184.2%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	"	6,000	6,000	0.0%
Tài sản dài hạn khác	"	522,027	428,448	21.8%
Lợi thế thương mại	"	-	27,422	-100.0%
Tổng tài sản	"	11,723,841	8,217,725	42.7%

Tài sản ngắn hạn: Tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn tăng mạnh mẽ gấp 1,5 lần so với năm 2017, là minh chứng cho nguồn lực tài chính dồi dào để phục vụ cho các kế hoạch đầu tư trong tương lai của Công ty.

Tài sản dài hạn: Tài sản cố định tăng trưởng mạnh do Công ty đã cơ bản hoàn thành kế hoạch quang hóa hạ tầng trên phạm vi toàn quốc song song với tăng cường đầu tư mở rộng vùng phủ.

Nguồn vốn và công nợ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017	% Tăng giảm
Tổng nợ	Triệu đồng	7,602,614	4,916,041	54.6%
Nợ ngắn hạn	"	7,388,207	4,763,337	55.1%
Nợ dài hạn	"	214,406	152,703	40.4%
Vốn Chủ sở hữu	"	4,121,227	3,301,684	24.8%
Vốn chủ sở hữu	"	4,121,227	3,267,112	26.1%
Tổng nguồn vốn	"	11,723,841	8,217,725	42.7%

Nợ phải trả: tăng mạnh do Công ty tăng cường vay vốn để phục vụ đầu tư hạ tầng, tài sản.

Vốn chủ sở hữu: tăng mạnh so với năm 2017, nguồn vốn không chỉ được bảo toàn mà còn mang lại giá trị thặng dư cho cổ đông.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0.95	0.89
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.84	0.79
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	65%	60%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1.84	1.49
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay khoản phải thu	Lần	8.87	10.21
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0.75	0.93
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	16.5%	15.9%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13.1%	12.7%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	33.7%	34.4%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11.8%	14.6%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	16.5%	16.2%
5	Hệ số bảo toàn vốn			
	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1.51	1.17

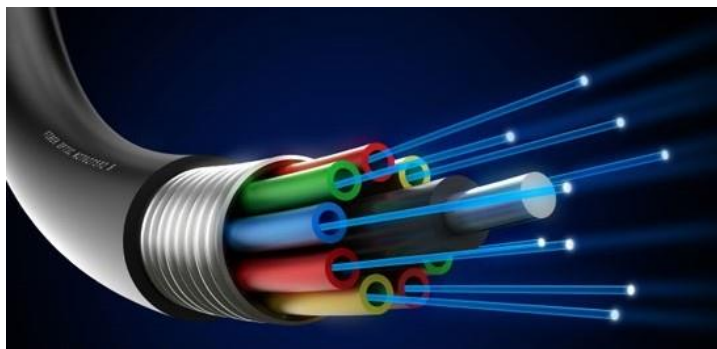
Về cơ bản, các chỉ tiêu tài chính đều duy trì ở mức tốt và có cải thiện rõ rệt so với năm 2017.

- Các chỉ tiêu về **khả năng thanh toán** tốt hơn so với năm 2017. Công ty có đủ nguồn lực để thanh toán cho các khoản nợ trong tương lai.
- Năm 2018, Công ty tăng mức sử dụng đòn bẩy tài chính để tạo nguồn lực cho đầu tư quang hóa và mở rộng hạ tầng. Do đó, tỷ trọng nợ trong tổng tài sản cũng như nguồn vốn có xu hướng gia tăng nhưng vẫn ở mức kiểm soát; **cơ cấu vốn** vẫn đảm bảo an toàn.
- **Vòng quay** khoản phải thu tiếp tục được rút ngắn nhờ nỗ lực chuyển dịch từ thanh toán bằng tiền mặt sang thanh toán online cho khách hàng, hạn chế các rủi ro về nợ khó đòi.
- **Vòng quay của tài sản** sụt giảm do Công ty tăng cường đầu tư quang hóa cũng như mở rộng vùng phủ.
- Các chỉ tiêu về **khả năng sinh lời** tiếp tục duy trì ở mức rất cao và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Đẩy mạnh đầu tư, đón đầu 4.0

Xác định được vai trò quan trọng của mình là đơn vị cung cấp hạ tầng cơ sở cho cuộc cách mạng 4.0 của Tập đoàn FPT nói chung cũng như của FPT Telecom nói riêng, Công ty đã quyết định đẩy nhanh việc quang hóa hạ tầng lên phạm vi toàn quốc.

Tính đến 31/12/2018, về cơ bản, FPT Telecom đã hoàn thành việc chuyển đổi hạ tầng từ cáp đồng sang cáp quang trên toàn bộ 59 tỉnh/thành phố có sự hiện diện của mình. Việc hoàn thành quang hóa hạ tầng đặt một nền móng cơ sở vững chắc cho các kế hoạch dài hơi trong tương lai của Công ty.



Song song với việc quang hóa hạ tầng, trong năm 2018, FPT Telecom cũng khởi công Tòa nhà Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Tân Thuận 1B. Các khách hàng công nghệ lớn trên thị trường quốc tế đã có các hợp đồng với FPT Telecom về việc thuê Data Center với yêu cầu công nghệ mới. Dự kiến đến tháng 6/2019, Tòa nhà Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Tân Thuận 1B sẽ đưa vào kinh doanh, khai thác, cung cấp dịch vụ cao cho các khách hàng cao cấp như Facebook, Google, Alibaba...

Tòa nhà Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Tân Thuận được xây dựng trong khuôn viên tòa nhà FPT Telecom Tân Thuận 1 - nơi đang đặt Data Center hiện hữu tại lô 37-39A, đường 19, Khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh. Tòa nhà mới sẽ có 3 tầng và toàn bộ được sử dụng làm Trung tâm dữ liệu (Data Center) với những công nghệ hạ tầng mới nhất hiện nay, đảm bảo đạt tiêu chuẩn quốc tế khắt khe nhất. Diện tích mỗi tầng 1.000 m², tổng diện tích tòa nhà sẽ là 3.000 m² với tổng số 1.000 rack server.



Ông Vũ Anh Tú – Phó TGD FPT Telecom trong lễ khởi công dự án Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Tân Thuận 1B

BÁO CÁO CỦA HĐQT

Tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ. Bên cạnh đó, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch cũng có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực.

Mặc dù vậy, kinh tế Việt Nam năm 2018 vẫn có nét khởi sắc trên cả ba khu vực sản xuất; tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017 - mức tăng cao nhất trong 11 năm qua. Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh. Nền tảng kinh tế vĩ mô được củng cố và từng bước được tăng cường.

Năm 2018 đánh dấu bước chuyển mình đầu tiên về mặt định hướng của FPT Telecom: “*chuyển dịch từ nhà cung cấp dịch vụ sang nhà cung cấp trải nghiệm (experience provider)*” của toàn bộ doanh

nh nghiệp. Nêu cao tinh thần “*More - “làm nhiều hơn”, “làm mới hơn*”, toàn bộ cán bộ công nhân viên của FPT Telecom đã nỗ lực hết mình bằng hàng loạt những cuộc thi đua.

Nhờ đó, kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty tiếp tục thể hiện sự tăng trưởng ổn định và bền vững. Doanh thu năm 2018 của toàn Công ty đạt 8.822 tỷ đồng, tăng trưởng 15,3% so với năm 2017; Lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty đạt 1.458 tỷ đồng, tăng trưởng 19,8% so với năm 2017 và đều hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

Lợi nhuận sau thuế đạt 1.160 tỷ đồng, lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 4.156 đồng/cổ phần. Tổng tài sản của Công ty tính đến 31/12/2018 đạt 11.724 tỷ đồng; Vốn chủ sở hữu đạt 4.121 tỷ đồng; đều tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2017.

Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt của năm 2017 là 3.000 đồng/cổ phần và tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt của năm 2018 là 1.000 đồng/cổ phần.

Công ty cũng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 1.508 tỷ đồng lên 2.262 tỷ đồng thông qua việc

chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2018.

Về hạ tầng, FPT Telecom đã mạnh dạn đẩy nhanh kế hoạch quang hóa hạ tầng và chuyển đổi thuê bao cho khách hàng từ cáp đồng sang cáp quang lên phạm vi toàn quốc. Tính đến cuối năm 2018, Công ty đã cơ bản hoàn thành kế hoạch này, giúp Công ty duy trì được tốc độ phát triển thuê bao internet tốt, là nền tảng để cải thiện chất lượng và mở rộng các loại dịch vụ của Công ty.

Song hành với việc đầu tư và mở rộng hạ tầng, FPT Telecom tiếp tục khẳng định sự trẻ trung và năng động bằng việc liên tục nâng cấp và mở rộng các mảng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Ngay từ đầu năm, Công ty đã tiến hành nâng cấp băng thông miễn phí cho các thuê bao với mức nâng lên đến 30%.

Về mảng truyền hình, Công ty thực hiện chiến lược phát triển nội dung đa dạng và khác biệt. Đó là việc độc quyền phát sóng giải bóng đá nhà nghề Italia – Serie A cho các tín đồ bóng đá; đó là việc nâng cấp miễn phí hàng loạt

kênh quốc tế lên chuẩn HD. Kèm theo đó là hàng loạt các tính năng mới được bổ sung cho các công cụ mà Công ty cung cấp cho khách hàng như đa dạng hóa các kênh thanh toán (QR Code, AutoPay qua ví điện tử...), tăng cường tính bảo mật cũng như tính tiện dụng. Góp phần tạo cho khách hàng những trải nghiệm đáng nhớ khi sử dụng dịch vụ của Công ty.

Về mặt tài chính, Công ty tiếp tục tận dụng các kênh huy động vốn để tăng cường sức

mạnh nội tại, bổ sung nguồn lực đầu tư thông qua việc sử dụng vốn vay ngắn hạn, trung hạn với mức lãi suất ổn định và ưu đãi. Công ty cũng nỗ lực tối ưu chi phí, kiểm soát tốt dòng tiền ra vào để đảm bảo sự trong sạch, vững mạnh của tài chính doanh nghiệp.

Để đóng góp 1 phần không nhỏ cho các kết quả này, Hội đồng quản trị công ty đã luôn luôn theo sát tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đóng vai trò là hậu phương vững chắc ủng

hộ các quyết định, chiến lược mạnh mẽ, sáng tạo nhưng vô cùng hiệu quả của Ban điều hành. Kèm theo đó, với sự nỗ lực không mệt mỏi của toàn thể cán bộ công nhân viên và sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành, FPT Telecom tiếp tục gặt hái được thành công, vững bước trên chặng đường phát triển, đóng góp công sức cho sự phát triển của đất nước nói chung cũng như mang lại giá trị cho cổ đông, khách hàng nói riêng.



KẾ HOẠCH NĂM 2019



Bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước

Theo Báo cáo triển vọng kinh tế Việt Nam của Ngân hàng ANZ, trong bối cảnh của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, Việt Nam có thể có được những lợi ích nhất định từ cuộc xung đột này, đặc biệt là trong lĩnh vực xuất khẩu. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, Ngân hàng ANZ cũng chỉ ra rằng kinh tế Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều thách thức như việc cần tập trung đảm bảo lạm phát ở mức mục tiêu, giữ cho tăng trưởng tín dụng không quá mạnh và tăng cường các bảng cân đối của khu vực tài chính. Mặc dù vậy, Ngân hàng ANZ vẫn khá đánh giá cao triển vọng kinh tế của Việt Nam với dự báo tăng trưởng GDP năm 2019 là 7%.

Theo đó, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 6,8%, đạt ngưỡng cao trong mục tiêu 6,6 - 6,8% mà Quốc hội đề ra. Tốc độ tăng CPI dưới 4% thay vì ước khoảng 4%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP 34%, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu khoảng 8- 10% cao hơn Quốc hội giao.




Kế hoạch năm 2019

Năm 2019, Công ty đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất là 9.980 tỷ đồng, tăng trưởng 13,1% so với năm 2018 (trong đó doanh thu từ dịch vụ viễn thông tăng trưởng 13,5% và doanh thu từ dịch vụ nội dung số tăng trưởng 7,8%). Kế hoạch lợi nhuận trước thuế của công ty là 1.660 tỷ đồng, tăng trưởng 13,9% so với năm 2018.

FPT Telecom sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho hạ tầng viễn thông, mở rộng vùng phủ để phát triển thuê bao mới. Đẩy mạnh phát triển và mở rộng quy mô mạng Truyền hình trả tiền, đa dạng hóa nội dung và dịch vụ mới trên nền tảng hạ tầng vững mạnh, mang đến nhiều trải nghiệm mới cho khách hàng. Công ty sẽ đẩy nhanh các dự án xây dựng trung tâm dữ liệu tại các địa điểm Tân Thuận 1 – Tp. Hồ Chí Minh; Quận 9 – Tp. Hồ Chí Minh và tại Đà Nẵng với mục tiêu đưa vào sử dụng ít nhất 1 trung tâm dữ liệu mới trong năm 2019. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư vào dự án cáp quang biển thứ 4 để đảm bảo an toàn hạ tầng mạng viễn thông, nâng cao năng lực đáp ứng cho băng thông quốc tế. Công ty sẽ triển khai đầu tư vào các dịch vụ mới như các dịch vụ đám mây (Cloud), IP Camera... Ngoài ra, Công ty sẽ tăng cường chuyển đổi số bằng cách số hóa quản trị để nâng cao hiệu suất lao động của cán bộ công nhân viên; đẩy nhanh tốc độ đáp ứng các yêu cầu của quản trị, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.









The image features a central circle with a gradient from pink to brown. To the right, there are two large triangular shapes, one green and one blue, both containing a network of interconnected nodes and lines. The text 'QUẢN TRỊ CÔNG TY' is centered within the circle in white, bold, uppercase letters.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp	Tỷ lệ tham gia	Lý do không tham dự
01	Bà Chu Thị Thanh Hà	Chủ tịch	25-03-2008	4	100%	
02	Ông Nguyễn Hồng Hiến	Thành viên	21-05-2015	1	100%	Miễn nhiệm từ ngày 28-03-2018
03	Ông Lê Huy Chí	Thành viên	27-03-2009	1	100%	Miễn nhiệm từ ngày 28-03-2018
04	Ông Trương Gia Bình	Thành viên	28-07-2005	4	100%	
05	Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên	27-03-2009	4	100%	
06	Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	30-03-2012	4	100%	
07	Ông Nguyễn Quốc Trị	Thành viên	28-03-2018	4	100%	
08	Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên	28-03-2018	4	100%	

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện họp và quyết định những vấn đề chính sau đây:

-  Phê duyệt kết quả kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019.
-  Phê duyệt phương án thay đổi nhân sự của chức danh Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.
-  Thống nhất tái đề cử bà Chu Thị Thanh Hà giữ vị trí chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.
-  Phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh.
-  Phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 50%.
-  Phê duyệt các phương án thuê, mua bất động sản.



Danh mục các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2018/NQ-HĐQT/FTEL	08-02-18	Phê duyệt và thống nhất thông qua kết quả kinh doanh 2017.
			Phê duyệt và thống nhất thông qua kế hoạch kinh doanh 2018
			Phê duyệt và thống nhất thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018
			Phê duyệt và thống nhất thông qua Phương án thay đổi nhân sự của chức danh Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT
2	01B-2018/NQ-HĐQT/FTEL	28-03-18	Thống nhất đề cử bà Chu Thị Thanh Hà vào vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông FPT nhiệm kỳ 2018-2023
	02 -2018/NQ-HĐQT/FTEL	28-03-18	Mua đất Vĩnh Long làm Metro POP
	02B -2018/NQ-HĐQT/FTEL	28-03-18	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức
3	03-2018/NQ-HĐQT/FTEL	06-04-18	Mua đất tại Long Xuyên, An Giang làm Metro POP
4	04-2018/NQ-HĐQT/FTEL	02-04-18	Tăng vốn Điều lệ
5	05-2018/NQ-HĐQT/FTEL	23-05-18	Mua đất tại Đông Anh, Hà Nội làm Metro POP
6	06-2018/NQ-HĐQT/FTEL	26-06-18	Thông qua kết quả kinh doanh Quý I.2018, thông qua kế hoạch Quý II.2018
			Thông qua chủ trương bổ sung ngành nghề kinh doanh dịch vụ trung gian thanh toán trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt: Mã ngành: 6419
			Thống nhất kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường 2018 để thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh
			Thông qua việc ký hợp đồng với Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT là đơn vị trúng thầu gói Mua sắm thiết bị hệ thống truyền dẫn DWDM.
7	07-2018/NQ-HĐQT/FTEL	10-10-18	Thông qua chủ trương thuê đất xây nhà điều hành tại Khu chế xuất Tân Thuận thành phố Hồ Chí Minh
8-22	Các Nghị quyết từ số 08/NQ/HĐQT/FTEL đến số 22/NQ/HĐQT/FTEL	Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2018	Mua nhà làm Metro POP tại 15 tỉnh: Vũng Tàu, Đồng Nai, Cần Thơ, Hà Tĩnh, Kiên Giang, Gia Lai, Nam Định, Tuyên Quang, Phú Thọ, Thanh Hóa, Đắk Lắk, Bắc Giang, Thái Nguyên, Ninh Bình, Hải Phòng.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, chứng từ và việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố thông tin theo quy định, cụ thể:

- ✓ Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.
- ✓ Kiểm soát xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ công ty.
- ✓ Kiểm soát việc xây dựng và phân phối lợi nhuận năm 2018.
- ✓ Kiểm soát việc thực hiện công bố thông tin tại trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định về công bố thông tin của công ty niêm yết.
- ✓ Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- ✓ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về việc thành lập, tổ chức lại các chi nhánh công ty.
- ✓ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về việc kế hoạch phân chia lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
- ✓ Tham gia các buổi làm việc của Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Viễn thông FPT về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện.
- ✓ Xem xét các báo cáo kinh doanh do Ban Tổng Giám đốc và Ban Kế hoạch Tài chính chuẩn bị.
- ✓ Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập.



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



Thông tin cổ phiếu

- ✓ **Vốn điều lệ:** 2.261.597.240.000 đồng
- ✓ **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 226.159.724 cổ phiếu
- ✓ **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- ✓ **Cổ phiếu thường:** 226.159.724 cổ phiếu
- ✓ **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 226.129.709 cổ phiếu
- ✓ **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 30.015 cổ phiếu

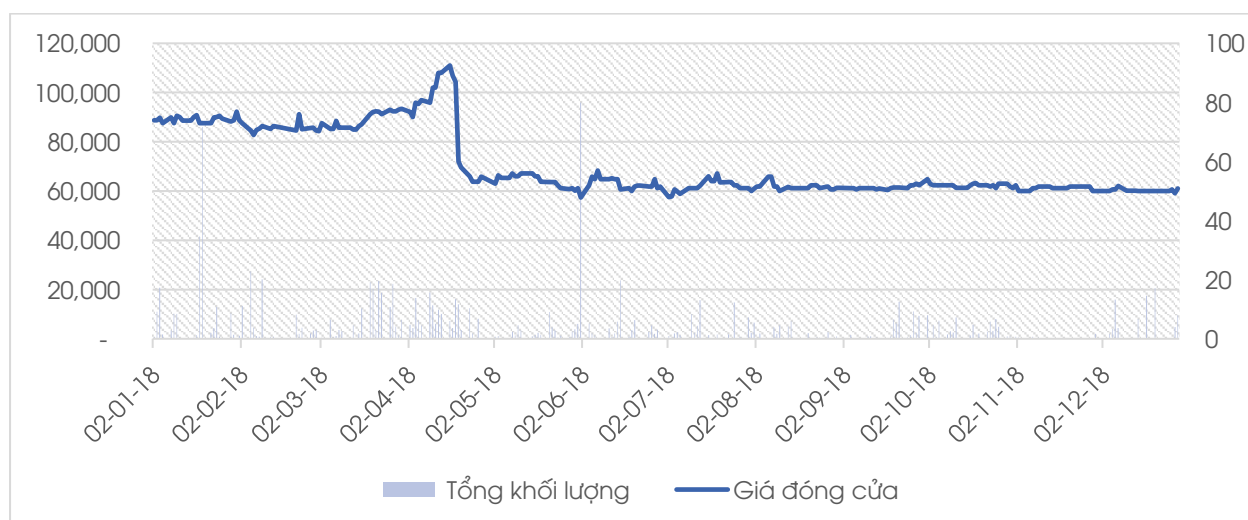


Cơ cấu cổ đông hiện hữu

STT	Đơn vị	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	113,458,693	50.17%
2	Công ty Cổ phần FPT	103,242,052	45.65%
3	Các cổ đông khác	9,428,964	4.17%
4	Cổ phiếu quỹ	30,015	0.01%
Tổng cộng		226,159,724	100.0%

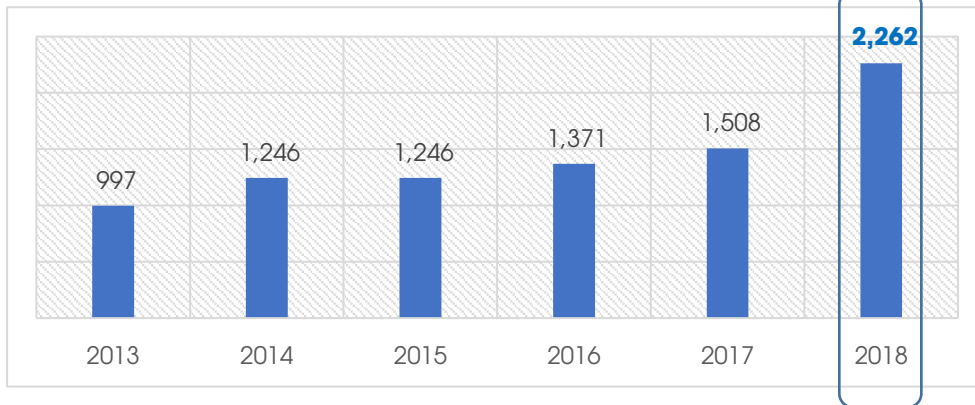


Biến động giá cổ phiếu và khối lượng giao dịch



Lưu ý: Ngày 19/4/2018, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2018 để tăng vốn điều lệ từ 1.507 tỷ đồng lên 2.262 tỷ đồng. Theo đó, giá trị thị trường của cổ phiếu FOX được điều chỉnh giảm tương ứng với số lượng cổ phiếu được phát hành thêm.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



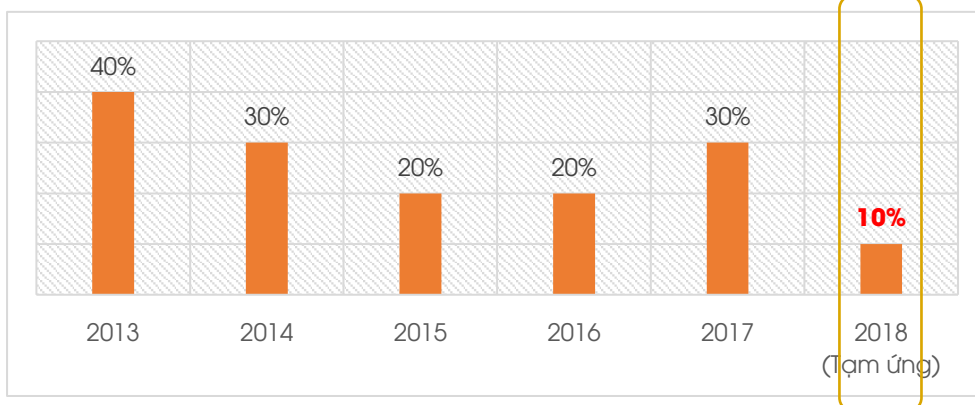
Vốn điều lệ tăng gấp 1,5 lần do Công ty tiến hành trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2018 với tỷ lệ 50% từ lợi nhuận để lại năm 2017.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2018, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

Lịch sử trả cổ tức

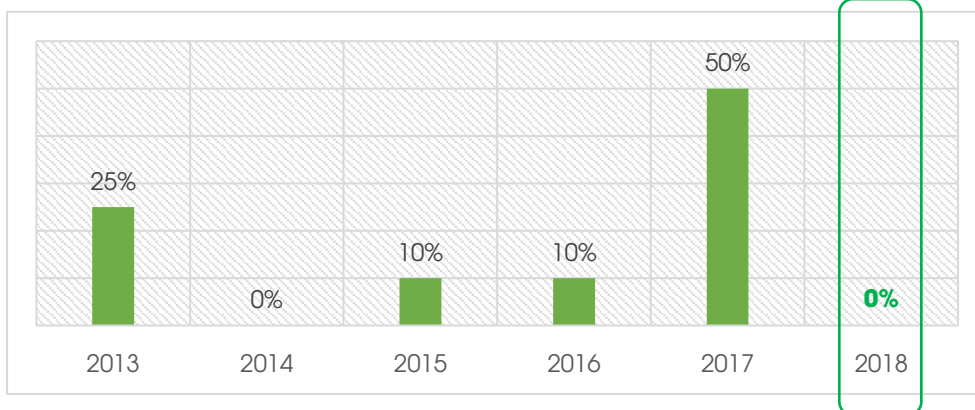
Cổ tức bằng tiền mặt:



Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt năm 2018 là tỷ lệ tạm ứng cổ tức lần 1 trong năm 2018.

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 sẽ được thông qua trong cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông.

Cổ tức bằng cổ phiếu:

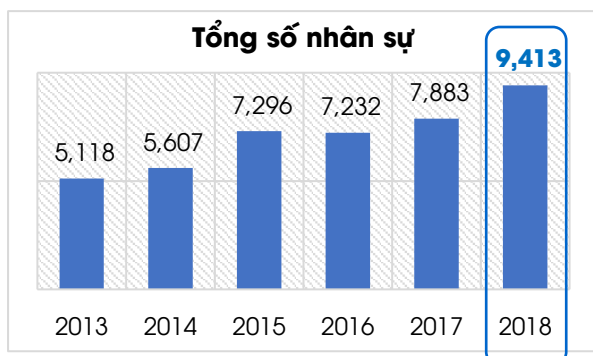


Công ty chưa có quyết định chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận để lại cho năm 2018.

Lưu ý: * Tỷ lệ cổ tức được tính theo tỷ lệ chia cổ tức được ĐHCĐ phê duyệt cho kết quả kinh doanh năm đó, không phải số cổ tức thực chi trả trong năm.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

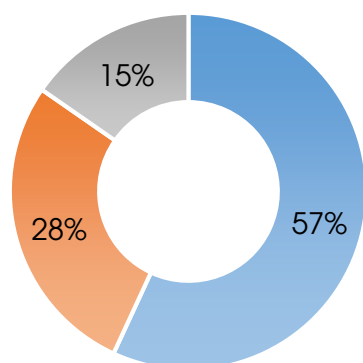
Số lượng nhân sự tăng trưởng cả về lượng và về chất



Năm 2018 chúng kiến một sự bùng nổ về số lượng nhân sự; tính đến hết 31/12/2018, số lượng nhân sự của FPT Telecom đã tăng đến 21,5% so với năm 2017, trải đều trên khắp các bộ phận.

Sự tăng trưởng về nhân sự chứng tỏ sự kỳ vọng sẽ có sự phát triển vượt bậc về thuê bao, hạ tầng cũng như xúc tiến nhanh các mảng dịch vụ mới trong các năm tiếp theo.

Cơ cấu nhân sự theo trình độ

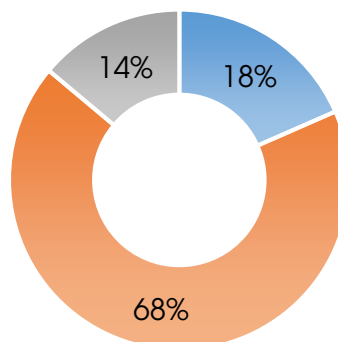


- Đại học và trên Đại học
- Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Lao động phổ thông

Với phần lớn nhân sự thuộc trình độ đại học và trên đại học, FPT Telecom có một nguồn lực vững mạnh, đồng đều, có trình độ, sẵn sàng đương đầu với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường.

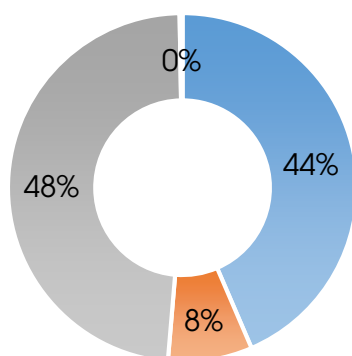
Với độ tuổi phổ biến đều dưới 35 tuổi, con người FPT Telecom luôn tràn trẻ sức trẻ, tràn đầy nhiệt huyết, luôn luôn năng động, sáng tạo.

Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi



- Dưới 25 tuổi
- 25 - 35 tuổi
- Trên 35 tuổi

Cơ cấu nhân sự theo khu vực địa lý



- Miền Bắc
- Miền Trung
- Miền Nam
- Nước ngoài

Với cơ cấu nhân sự trải khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam; người FPT Telecom luôn luôn sẵn sàng phục vụ khách hàng mọi lúc, mọi nơi; mang đến cho khách hàng chất lượng dịch vụ và sự chăm sóc tận tình nhất.



Ứng dụng công nghệ trong tuyển dụng



Với mục tiêu tiên phong trong cuộc cách mạng 4.0, FPT Telecom đã đưa các dịch vụ/ứng dụng/giải pháp thông minh đến từng góc nhỏ nhất trong hoạt động của Công ty với việc ra mắt **“Hệ thống phỏng vấn trực tuyến SIS (Smart Interview System)”**.

Hệ thống này được sử dụng cho việc tuyển dụng nhân sự trên toàn quốc, giúp ứng viên có thể tiếp cận nhà tuyển dụng mọi lúc, mọi nơi. Thay vì chỉ nộp hồ sơ và chờ đợi liên hệ từ nhà tuyển dụng một cách bị động thì nay, với SIS, ứng viên có thể nộp hồ sơ, thi trắc nghiệm và thực hiện cuộc phỏng vấn ngay tại nhà chỉ với một chiếc laptop hoặc điện thoại thông minh có kết nối Internet. Việc phải đặt lịch hẹn, di chuyển và tham gia phỏng vấn theo cách truyền thống sẽ được giảm thiểu khiến cho ứng viên cũng tiết kiệm được tối đa thời gian, công sức.

Tốc độ tăng trưởng nhân sự nhanh, nhu cầu tuyển dụng hàng năm của FPT Telecom là rất lớn. Theo số liệu thống kê, năm vừa qua có đến 42.000 bộ hồ sơ ứng tuyển cho tất cả các vị trí trong FPT Telecom và công ty đối tác, trong đó tỷ lệ ứng viên có hồ sơ phù hợp khoảng 25.000, tương đương 59%.

Riêng thời gian cho việc sắp xếp tổ chức khoảng 3.500 cuộc phỏng vấn trong năm đã lên tới 8.000 giờ. Vì thế, việc ra mắt công cụ tuyển dụng và phỏng vấn trực tuyến sẽ là lời giải hữu hiệu cho bài toán tiết kiệm thời gian, nhân lực và chi phí cho việc sàng lọc ứng viên cũng như công tác phỏng vấn sơ loại.



Công cụ phỏng vấn trực tuyến SIS ra đời là một bước tiến lớn trong ngành tuyển dụng. Với những doanh nghiệp lớn như FPT Telecom, việc sàng lọc và xử lý hồ sơ nhân sự sẽ dễ dàng hơn rất nhiều với độ chính xác và tin cậy cao, xứng đáng là một sản phẩm công nghệ thông minh và đầy tiện ích.



Chính sách nhân sự linh hoạt

Ngoài mảng tuyển dụng, các chính sách về nhân sự cũng liên tục được cập nhật, đổi mới một cách linh hoạt nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường lao động. Có thể kể đến một số giải pháp tiêu biểu sau đây:

- ✓ Cấu trúc lương của các bộ phận Kinh doanh, Quản lý và các bộ phận hỗ trợ được xem xét thay đổi định kỳ. Nhờ đó, mức thu nhập của cán bộ công nhân viên luôn được đáp ứng ngày càng tốt hơn, công bằng hơn, phản ánh chính xác hơn các đóng góp của người lao động trong sự hoạt động của Công ty.
- ✓ Ngoài cơ chế về lương, thưởng, Công ty cũng áp dụng chế độ điểm tích lũy cho các cán bộ nhằm cải thiện thêm nhu nhập, tăng cường sự gắn bó của cán bộ với Công ty.





Môi trường Văn hóa doanh nghiệp trẻ trung, năng động



Là công ty đầu tiên tại Việt Nam tổ chức hành trình chạy tiếp sức xuyên Việt **"Hành trình kết nối"**, FPT Telecom đã được vinh danh trong buổi lễ Hội ngộ Kỷ lục Quốc gia trên Thế giới lần II – 2018 và Hội ngộ kỷ lục Việt Nam lần thứ 35 – 2018. "Hành trình kết nối" được diễn ra trong xuyên suốt 31 ngày, từ 5/8/2018 đến 4/9/2018, trên quãng đường dài 2.600 km với 31 chặng đi qua 28 tỉnh/thành Việt Nam.

"Hành trình kết nối" là niềm tin nối dài trên tuyến đường từ Bắc vào Nam của CBNV FPT Telecom. Đây là một minh chứng cho tinh thần của người FPT với niềm tin, tinh thần nhiệt huyết, với sự nỗ lực bền bỉ, mang Công nghệ thông tin để kết nối người dân Việt Nam lại gần nhau hơn và đặc biệt còn thể hiện khát vọng mang mạng lưới Internet FPT vươn ra thế giới, khẳng định vị thế của mình trên thị trường quốc tế.



Công ty cũng thường xuyên tổ chức các **chương trình thi đua** kinh doanh, thi đua sáng kiến của riêng FPT Telecom cũng như Tập đoàn FPT để phát huy tối đa sức chiến đấu và sự sáng tạo của cán bộ công nhân viên. Một số cuộc thi có thể kể đến là iKhiến, IDO Xe cải tiến... cùng hàng loạt các chương trình thi đua kinh doanh diễn ra hàng tháng, hàng quý, hàng năm...



"Ảnh: Chung kết cuộc thi iKhiến 2018 của cộng đồng FPT"

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Chu Thị Thanh Hà	Chủ tịch
Ông Trương Gia Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Trị	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018)
Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018)
Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Hiến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018)
Ông Lê Huy Chí	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Việt Anh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Khoa	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Hùng Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 96/QĐ-FTEL ngày 01 tháng 01 năm 2019

Ngày 05 tháng 3 năm 2019



Số: *F03* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Anh Sơn
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1961-2018-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.034.988.878.057	4.260.886.629.966
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	544.515.759.978	637.367.035.990
1. Tiền	111		237.736.198.238	172.972.917.618
2. Các khoản tương đương tiền	112		306.779.561.740	464.394.118.372
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.792.298.899.815	1.472.830.197.781
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	3.792.298.899.815	1.472.830.197.781
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		984.461.439.852	836.927.904.216
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.030.757.280.393	879.818.545.580
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		34.198.599.975	31.422.108.098
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	83.144.533.006	41.759.305.126
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(163.638.973.522)	(116.072.054.588)
IV. Hàng tồn kho	140	8	840.230.882.411	519.570.275.133
1. Hàng tồn kho	141		871.432.497.505	519.570.275.133
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(31.201.615.094)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		873.481.896.001	794.191.216.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	825.862.917.567	665.400.613.369
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.089.795.253	21.881.888.202
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	9.529.183.181	106.908.715.275
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.688.851.687.361	3.956.837.942.865
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.061.326.376	21.094.817.447
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	24.418.017.557	23.451.508.628
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	7	(2.356.691.181)	(2.356.691.181)
II. Tài sản cố định	220		4.089.813.421.798	3.456.646.267.012
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.507.729.511.417	3.102.593.628.520
- Nguyên giá	222		6.862.152.696.351	5.996.602.874.983
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.354.423.184.934)	(2.894.009.246.463)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	582.083.910.381	354.052.638.492
- Nguyên giá	228		789.199.601.226	511.395.040.078
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(207.115.690.845)	(157.342.401.586)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.949.699.336	17.226.616.945
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		48.949.699.336	17.226.616.945
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.000.000.000	6.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	9.684.980.000	9.684.980.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(3.684.980.000)	(3.684.980.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		522.027.239.851	455.870.241.461
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	518.447.763.886	403.136.208.392
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.579.475.965	25.311.974.692
3. Lợi thế thương mại	269		-	27.422.058.377
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.723.840.565.418	8.217.724.572.831

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.602.613.517.763	4.916.040.515.685
I. Nợ ngắn hạn	310		7.388.207.247.357	4.763.337.193.796
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.525.737.678.692	1.112.335.217.222
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		57.432.572.931	120.328.359.181
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	75.653.901.554	65.204.377.077
4. Phải trả người lao động	314		116.029.934.466	4.586.592.282
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	573.885.849.266	753.371.389.908
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	13	1.187.405.808.059	987.989.471.286
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	237.920.687.437	441.650.374.419
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	3.362.087.529.178	1.103.126.785.160
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		756.720.000	756.720.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	251.296.565.774	173.987.907.261
II. Nợ dài hạn	330		214.406.270.406	152.703.321.889
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	13	46.690.825.888	47.704.546.429
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	167.715.444.518	104.998.775.460
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.121.227.047.655	3.301.684.057.146
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	4.121.227.047.655	3.301.684.057.146
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.261.597.240.000	1.507.832.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.261.597.240.000	1.507.832.590.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.391.591.930	7.652.995.729
3. Cổ phiếu quỹ	415		(300.150.000)	(300.150.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		389.798.534.033	246.879.179.072
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		34.572.210.000	34.572.210.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.038.992.588.448	1.239.853.363.572
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		468.186.994.949	1.026.073.226.832
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421b		570.805.593.499	213.780.136.740
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		376.175.083.244	265.193.868.773
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		11.723.840.565.418	8.217.724.572.831

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng

Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
				Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	8.854.832.868.640	7.677.901.203.174
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	33.309.726.707	26.541.460.346
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8.821.523.141.933	7.651.359.742.828
4. Giá vốn hàng bán	11	23	4.603.932.001.163	3.937.312.195.310
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.217.591.140.770	3.714.047.547.518
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	211.037.774.319	149.685.869.073
7. Chi phí tài chính	22	26	145.704.744.354	121.507.804.809
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		133.046.974.598	118.843.999.299
8. Chi phí bán hàng	25		959.987.030.807	683.624.741.456
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.868.791.044.372	1.819.952.701.885
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.454.146.095.556	1.238.648.168.441
11. Thu nhập khác	31		8.522.722.094	17.560.716.363
12. Chi phí khác	32		5.137.338.782	39.287.160.986
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		3.385.383.312	(21.726.444.623)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.457.531.478.868	1.216.921.723.818
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	276.202.846.027	218.099.076.381
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	21.732.498.727	24.198.382.124
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.159.596.134.114	974.624.265.313
<i>Trong đó:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		1.049.347.341.503	872.344.968.203
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		110.248.792.611	102.279.297.110
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28		3.454


Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu


Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng


Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.457.531.478.868	1.216.921.723.818
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	908.170.333.624	820.216.731.614
Các khoản dự phòng	03	78.768.534.028	46.159.768.609
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(5.157.815.318)	(2.265.502.195)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(201.504.097.158)	(146.158.399.497)
Chi phí lãi vay	06	133.046.974.598	118.843.999.299
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.370.855.408.642	2.053.718.321.648
(Tăng) các khoản phải thu	09	(173.215.976.904)	(68.732.620.165)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(96.176.353.918)	30.259.445.875
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	296.070.588.179	398.475.819.436
(Tăng) chi phí trả trước	12	(275.773.859.692)	(129.223.543.657)
Tiền lãi vay đã trả	14	(88.498.158.336)	(146.421.567.416)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(172.067.279.637)	(382.768.241.758)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	374.664.913	367.273.809
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.552.618.945)	(4.395.927.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.855.016.414.302	1.751.278.960.050
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.598.911.110.331)	(654.783.551.825)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	195.454.545	318.181.819
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.319.468.702.034)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	207.209.138.551
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	162.683.061.980	144.481.413.888
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.755.501.295.840)	(302.774.817.567)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu tại công ty con	31	30.284.641.600	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.285.016.260.941	1.640.034.151.642
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.963.338.847.865)	(2.975.210.076.317)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(544.328.449.150)	(452.940.167.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.807.633.605.526	(1.788.116.091.975)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(92.851.276.012)	(339.611.949.492)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	637.367.035.990	976.978.985.482
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	544.515.759.978	637.367.035.990

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 31 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, là bản sửa đổi lần thứ 23 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 07 năm 2005. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sàn Giao dịch chứng khoán UpCom ngày 13 tháng 01 năm 2017 với mã chứng khoán là FOX.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 9.412 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 7.883 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tiếp và các dịch vụ trực tuyến khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông FPT đồng ý thông qua việc sát nhập Công ty thuộc Dự án đầu tư FPT - Telecom Tân Thuận vào Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận để hoàn thiện cơ cấu tổ chức các công ty thành viên thuộc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Công ty đã thực hiện sát nhập trong năm 2018.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC)	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	56.32%	Cung cấp dịch vụ game online, báo điện tử, thanh toán điện tử
Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (FTI)	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông FPT (FCN)	Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	99.99%	Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác



Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS 11-Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Trong năm, Ban Giám đốc đã xem xét lại việc ghi nhận lợi thế thương mại theo Thông tư số 202/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, phát sinh từ giao dịch đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ tại một số công ty con trong các năm trước đây. Ban Giám đốc đánh giá các khoản đầu tư này không hình thành quyền kiểm soát của Công ty mẹ tại các công ty con và không hình thành giao dịch hợp nhất kinh doanh như định nghĩa tại Thông tư 202. Theo đó, Ban Giám đốc đã thận trọng đánh giá rằng lợi thế thương mại này không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản, quyết định dừng ghi nhận từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và ghi nhận toàn bộ lợi thế thương mại chưa phân bổ vào chi phí trong kỳ. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc ghi nhận này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Phương pháp kế toán hàng tồn kho Công ty sử dụng là kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Thiết bị quản lý	3 - 6
Phương tiện vận tải	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, giấy phép và quyền khai thác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy vi tính	3 - 5
Giấy phép	3
Quyền sử dụng dung lượng vĩnh viễn cáp quang Á - Phi - Âu AAE1 (Asia - Africa - Europe 1)	15
Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway (AAG) và dự án Asia Pacific Gateway (APG)	15

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh các khoản khách hàng trả trước tiền cước dịch vụ viễn thông trong nhiều kỳ tính cước và tiền thuê văn phòng tại khu chế xuất Tân Thuận cho nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện sẽ được phân bổ vào doanh thu hoạt động kinh doanh hàng tháng khi khách hàng sử dụng dịch vụ.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi hàng năm được trích lập với số tiền không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu dịch vụ viễn thông

Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	79.433.070	7.004.876.371
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	237.656.765.168	165.966.899.847
Tiền đang chuyển	-	1.141.400
Các khoản tương đương tiền (*)	306.779.561.740	464.394.118.372
	<u>544.515.759.978</u>	<u>637.367.035.990</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại Công ty Cổ phần FPT và các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.792.298.899.815	3.792.298.899.815	1.472.830.197.781	1.472.830.197.781
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.790.298.899.815	3.790.298.899.815	1.470.830.197.781	1.470.830.197.781
- Các khoản đầu tư khác	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.684.980.000	(3.684.980.000)	9.684.980.000	(3.684.980.000)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sendo	3.684.980.000	(3.684.980.000)	3.684.980.000	(3.684.980.000)
- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, do khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chưa được niêm yết và hiện chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi dự thu	71.342.884.250	32.717.303.617
Các khoản khác	11.801.648.756	9.042.001.509
	83.144.533.006	41.759.305.126

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	196.550.804.755	32.911.831.233	171.039.665.072	54.967.610.484
	196.550.804.755	32.911.831.233	171.039.665.072	54.967.610.484

Các khoản phải thu quá hạn thể hiện các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn từ hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông và không có khoản nợ phải thu nào chiếm từ 10% tổng số nợ quá hạn trở lên. Các khoản này đã được trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Trong năm 2016, Công ty đã xử lý khoản nợ phải thu về dịch vụ viễn thông đối với các khách hàng lẻ quá hạn mà Công ty đánh giá không có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi từ các năm trước với tổng số tiền là 171.935.562.838 VND.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	88.101.283.872	-	76.465.642.943	-
Nguyên liệu, vật liệu	273.485.260.958	(31.201.615.094)	165.078.959.789	-
Công cụ, dụng cụ	122.829.417.304	-	70.977.014.211	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	808.620.000	-	617.347.625	-
Hàng hoá	386.207.915.371	-	206.431.310.565	-
	871.432.497.505	(31.201.615.094)	519.570.275.133	-

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 31.201.615.094 VND đối với các vật tư, thiết bị hạ tầng đã thu hồi chờ thanh lý.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí triển khai quang hóa	326.152.977.092	226.447.915.476
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	499.709.940.475	438.952.697.893
	825.862.917.567	665.400.613.369
b. Dài hạn		
Chi phí lắp đặt truyền hình trả tiền	376.246.651.395	259.299.100.263
Chi phí trả trước dài hạn khác	142.201.112.491	143.837.108.129
	518.447.763.886	403.136.208.392

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp /thu trong năm	Số đã thực nộp/thu/được khấu trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	793.209.770	8.744.915.486	9.538.125.256	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	106.015.646.958	-	96.571.554.168	9.444.092.790
Các loại thuế khác	99.858.547	458.085.285	472.853.441	85.090.391
	106.908.715.275	9.203.000.771	106.582.532.865	9.529.183.181
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	20.547.126.625	483.670.762.113	486.304.648.534	17.913.240.204
- Thuế GTGT đầu ra	20.547.126.625	309.127.018.554	311.760.904.975	17.913.240.204
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	174.543.743.559	174.543.743.559	-
Thuế nhập khẩu	-	13.951.150.108	13.951.150.108	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.978.180.781	282.474.299.207	268.638.833.805	53.813.646.183
Các loại thuế khác	4.679.069.671	88.827.468.858	89.579.523.362	3.927.015.167
- Thuế môn bài	-	229.000.000	229.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	4.136.213.381	73.092.453.232	73.717.720.280	3.510.946.333
- Thuế khác	542.856.290	15.506.015.626	15.632.803.082	416.068.834
Các khoản phải nộp khác	-	3.520.000	3.520.000	-
	65.204.377.077	868.927.200.286	858.477.675.809	75.653.901.554

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	147.023.118.168	5.488.541.646.974	343.861.851.507	17.176.258.334	5.996.602.874.983
Tăng trong năm	7.482.422.565	1.467.946.738.234	17.770.251.342	4.070.645.200	1.497.270.057.341
Tăng do mua sắm	7.006.148.019	1.450.048.331.578	12.200.210.217	4.070.645.200	1.473.325.335.014
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	476.274.546	18.036.093.450	-	-	18.512.367.996
Phân loại lại sang tài sản cố định vô hình	-	(137.686.794)	-	-	(137.686.794)
Điều chỉnh khác	-	-	5.570.041.125	-	5.570.041.125
Giảm trong năm	-	626.941.417.390	4.127.317.315	651.501.268	631.720.235.973
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	651.501.268	651.501.268
Thu hồi nhập kho	-	626.941.417.390	4.127.317.315	-	631.068.734.705
Số dư cuối năm	154.505.540.733	6.329.546.967.818	357.504.785.534	20.595.402.266	6.862.152.696.351
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	39.459.878.252	2.572.321.085.583	269.403.442.812	12.824.839.816	2.894.009.246.463
Tăng trong năm	6.509.482.150	798.552.124.892	29.090.821.240	1.608.891.382	835.761.319.664
Khấu hao trong năm	6.509.482.150	798.689.811.686	24.207.766.441	1.608.891.382	831.015.951.659
Phân loại lại sang tài sản cố định vô hình	-	(137.686.794)	-	-	(137.686.794)
Điều chỉnh khác	-	-	4.883.054.799	-	4.883.054.799
Giảm trong năm	-	370.942.477.799	3.753.402.126	651.501.268	375.347.381.193
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	651.501.268	651.501.268
Thu hồi nhập kho	-	370.942.477.799	3.753.402.126	-	374.695.879.925
Số dư cuối năm	45.969.360.402	2.999.930.732.676	294.740.861.926	13.782.229.930	3.354.423.184.934
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	107.563.239.916	2.916.220.561.391	74.458.408.695	4.351.418.518	3.102.593.628.520
Tại ngày cuối năm	108.536.180.331	3.329.616.235.142	62.763.923.608	6.813.172.336	3.507.729.511.417

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 1.099.802 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 1.007.223 triệu VND).



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Giấy phép và quyền khai thác	Phần mềm máy vi tính	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	13.713.582.000	456.929.439.536	40.752.018.542	511.395.040.078
Tăng trong năm	31.809.793.025	25.356.381.135	21.940.946.027	79.107.120.187
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	190.512.000.000	8.144.475.290	198.656.475.290
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(96.721.123)	(96.721.123)
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	-	-	137.686.794	137.686.794
Số dư cuối năm	45.523.375.025	672.797.820.671	70.878.405.530	789.199.601.226
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	130.824.450.475	26.517.951.111	157.342.401.586
Khấu hao trong năm	-	39.291.466.416	10.440.857.172	49.732.323.588
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(96.721.123)	(96.721.123)
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	-	-	137.686.794	137.686.794
Số dư cuối năm	-	170.115.916.891	36.999.773.954	207.115.690.845
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	13.713.582.000	326.104.989.061	14.234.067.431	354.052.638.492
Tại ngày cuối năm	45.523.375.025	502.681.903.780	33.878.631.576	582.083.910.381

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về dịch vụ viễn thông	1.185.633.003.998	986.216.667.269
Các khoản khác	1.772.804.061	1.772.804.017
	<u>1.187.405.808.059</u>	<u>987.989.471.286</u>
b. Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về dịch vụ viễn thông	8.132.337.054	7.373.253.511
Các khoản khác	38.558.488.834	40.331.292.918
	<u>46.690.825.888</u>	<u>47.704.546.429</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi phí lương cán bộ nhân viên	246.833.295.541	433.498.803.379
Chi phí lãi vay	75.695.768.755	31.146.952.493
Các khoản khác	251.356.784.970	288.725.634.036
	<u>573.885.849.266</u>	<u>753.371.389.908</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	204.263.238.848	118.765.463.783
Các khoản trích theo lương	14.433.475.459	10.529.064.928
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.100.904.683	302.162.333.833
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.123.068.447	10.193.511.875
	<u>237.920.687.437</u>	<u>441.650.374.419</u>

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Giá trị	Số đầu năm	Trong năm		Giá trị	Số cuối năm
		VND	Tăng	Giảm		VND
		Số có khả năng trả nợ			Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	1.033.127.601.518	1.033.127.601.518	4.152.300.408.241	1.893.339.664.223	3.292.088.345.536	3.292.088.345.536
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	69.999.183.642	69.999.183.642	69.999.183.642	69.999.183.642	69.999.183.642	69.999.183.642
	1.103.126.785.160	1.103.126.785.160	4.222.299.591.883	1.963.338.847.865	3.362.087.529.178	3.362.087.529.178

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Giá trị	Số đầu năm	Trong năm		Giá trị	Số cuối năm
		VND	Tăng	Giảm		VND
		Số có khả năng trả nợ			Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn	174.997.959.102	174.997.959.102	132.715.852.700	69.999.183.642	237.714.628.160	237.714.628.160
	174.997.959.102	174.997.959.102	132.715.852.700	69.999.183.642	237.714.628.160	237.714.628.160

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	69.999.183.642	69.999.183.642
- Số phải trả sau 12 tháng	104.998.775.460	167.715.444.518

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	69.999.183.642	69.999.183.642
Trong năm thứ hai	101.357.518.170	69.999.183.642
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	66.357.926.348	34.999.591.818
	237.714.628.160	174.997.959.102
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(69.999.183.642)	(69.999.183.642)
Số phải trả sau 12 tháng	167.715.444.518	104.998.775.460

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Trong năm 2017, Công ty và công ty con đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 91.398.304.873 VND theo Điều lệ của Công ty và công ty con. Tổng Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích năm 2017 đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty và công ty con phê duyệt trong năm 2018. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty và các công ty con đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Đầu tư phát triển cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền lần lượt là 109.493.134.579 VND và 142.919.354.961 VND.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.370.786.090.000	7.652.995.729	34.572.210.000	(300.150.000)	131.972.384.482	1.304.564.248.554	2.849.247.778.765	201.704.757.322	3.050.952.536.087
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	872.344.968.203	872.344.968.203	102.279.297.110	974.624.265.313
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	114.906.794.590	(114.906.794.590)	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc	-	-	-	-	-	(91.398.304.873)	(91.398.304.873)	(10.228.000.659)	(101.626.305.532)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	137.046.500.000	-	-	-	-	(137.046.500.000)	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(589.308.326.000)	(589.308.326.000)	(28.562.185.000)	(617.870.511.000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(4.395.927.722)	(4.395.927.722)	-	(4.395.927.722)
Số dư đầu năm nay	1.507.832.590.000	7.652.995.729	34.572.210.000	(300.150.000)	246.879.179.072	1.239.853.363.572	3.036.490.188.373	265.193.868.773	3.301.684.057.146
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.049.347.341.503	1.049.347.341.503	110.248.792.611	1.159.596.134.114
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	142.919.354.961	(142.919.354.961)	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc	-	-	-	-	-	(109.493.134.579)	(109.493.134.579)	(11.025.011.681)	(120.518.146.260)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	753.764.650.000	-	-	-	-	(753.764.650.000)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	12.738.596.201	-	-	-	-	12.738.596.201	17.546.045.399	30.284.641.600
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(226.129.709.000)	(226.129.709.000)	(17.137.311.000)	(243.267.020.000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(17.901.268.087)	(17.901.268.087)	11.348.649.142	(6.552.618.945)
Số dư cuối năm nay	2.261.597.240.000	20.391.591.930	34.572.210.000	(300.150.000)	389.798.534.033	1.038.992.588.448	3.745.052.014.411	376.175.033.244	4.121.227.047.655

Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	226.159.724		150.783.259	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	226.159.724		150.783.259	
Số lượng cổ phiếu quỹ	30.015		30.015	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.015		30.015	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	226.129.709		150.753.244	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	226.129.709		150.753.244	

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 2.261.597.240.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi	Vốn đã góp tại ngày					
			Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
1. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	113.458.693	50,17	113.458.693	50,17	75.639.129	50,16
2. Công ty Cổ phần FPT	103.242.052	45,65	103.242.052	45,65	68.828.035	45,65
3. Các cổ đông khác	9.458.979	4,18	9.428.964	4,17	6.286.080	4,17
	226.159.724	100,00	226.129.709	99,99	150.753.244	99,98
Cổ phiếu quỹ	-	-	30.015	0,01	30.015	0,02
	226.159.724	100,00	226.159.724	100,00	150.783.259	100,00

Cổ tức

Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 28 tháng 3 năm 2018 phê duyệt việc trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 với số tiền là 452.259.732.000 VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 3.000 VND/cổ phiếu), chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 từ lợi nhuận chưa phân phối còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tại ngày 03 tháng 10 năm 2018, Công ty tạm ứng cổ tức đợt một năm 2018 với số tiền là 226.129.709.000 VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 1.000 VND/cổ phiếu).

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn				
Từ 1 năm trở xuống	88.680.039.252		101.714.544.646	
Trên 1 năm đến 5 năm	226.017.754.422		271.899.470.380	
Trên 5 năm	38.898.756.837		45.639.015.252	
Tổng cộng	353.596.550.511		419.253.030.278	

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê vẫn phòng tại các chi nhánh và công ty con của Công ty theo các hợp đồng thuê của từng chi nhánh và công ty con.

Ngoại tệ và Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	6.035.971	3.163.280
Nợ khó đòi đã xử lý (*)		
VND	171.144.660.818	171.474.706.942

(*) Phản ánh giá trị khoản phải thu khó đòi đã xử lý trong năm 2016 như đề cập tại Thuyết minh số 7 ở mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác (trong nước và quốc tế). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 22 và Thuyết minh số 23.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chủ yếu thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

22. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng	607.666.714.552	432.630.263.008
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.247.166.154.088	7.245.270.940.166
	8.854.832.868.640	7.677.901.203.174
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(33.309.726.707)	(26.541.460.346)
	(33.309.726.707)	(26.541.460.346)
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 30)	119.084.703.549	107.519.625.484



23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	619.427.661.218	408.748.682.611
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.984.504.339.945	3.528.563.512.699
	<u>4.603.932.001.163</u>	<u>3.937.312.195.310</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	696.387.703.495	566.098.020.182
Chi phí nhân công	1.655.386.174.938	1.440.967.103.502
Chi phí dự phòng	78.768.534.028	47.581.412.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước	1.210.622.706.365	1.106.620.125.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.527.749.286.506	2.291.539.112.961
Chi phí khác bằng tiền	681.804.461.926	579.335.181.481
	<u>6.850.718.867.258</u>	<u>6.032.140.956.040</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	201.308.642.613	145.840.217.678
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.729.131.706	3.845.651.395
	<u>211.037.774.319</u>	<u>149.685.869.073</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	133.046.974.598	118.843.999.299
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.657.769.756	2.663.805.510
	<u>145.704.744.354</u>	<u>121.507.804.809</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.457.531.478.868	1.216.921.723.818
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ:</i>		
- Thu nhập không chịu thuế	(5.246.532.582)	(4.386.843.934)
- Doanh thu chưa thực hiện chuyển sang	-	(128.002.148.207)
- Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế	25.494.698.720	(13.237.317.465)
- Giá vốn tương ứng doanh thu chưa thực hiện chuyển sang	-	48.470.706.869
- Lỗi chưa sử dụng	2.164.692.082	-
- Chuyển lỗ	(108.128.498.070)	(38.260.469.296)
<i>Cộng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	7.963.640.706	5.132.148.229
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.379.779.479.724	1.086.637.800.014
<i>Thuế suất</i>	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	275.955.895.945	217.327.560.003
Thuế thu nhập nộp thêm kỳ trước	-	771.516.378
Thuế thu nhập doanh nghiệp đóng số Dự án Tân Thuận	246.950.082	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	276.202.846.027	218.099.076.381
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (i)	21.732.498.727	24.198.382.124
	297.935.344.754	242.297.458.505

- (i) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thể hiện các khoản doanh thu chưa thực hiện ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho mục đích kế toán nhưng đã bao gồm trong doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm hiện tại.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại)
		VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	1.049.347.341.503	872.344.968.203
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận công ty mẹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	(109.493.134.579)	(91.398.304.873)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	939.854.206.924	780.946.663.330
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	226.129.709	226.129.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.156	3.454

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm 2018 như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
	Cổ phiếu	VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	150.783.259	5.180
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành trong năm 2018	75.376.465	(1.726)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	226.159.724	3.454

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khoản cam kết đầu tư vào dự án cáp quang biển Á - Âu - Phi 1 (gọi tắt là Dự án AAE1) thông qua Hợp đồng mua dung lượng vĩnh viễn cùng với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel Group). Theo đó, Công ty cam kết mua dung lượng vĩnh viễn với số tiền dự kiến là 240 tỷ VND. Số tiền mua dung lượng sẽ được thanh toán làm ba đợt căn cứ trên thời gian ký kết hợp đồng và biên bản giao kênh đầu tiên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thanh toán 190.512.000.000 VND, tương đương 80% giá trị hợp đồng.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần FPT	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Synnex FPT (FTG)	Cùng Chủ sở hữu
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT (FTP)	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	Cùng Chủ sở hữu
Công ty TNHH Phân phối FPT (FDC)	Cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần FPT		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	344.140.170.000	62.570.940.000
Chia cổ tức bằng tiền	103.242.052.000	269.055.046.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	20.858.991.975	24.651.475.200
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	54.528.975.142	45.684.358.272
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Synnex FPT (FTG)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	7.282.620.433	4.252.687.927
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	243.226.907.959	157.765.671.173
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	44.077.037.665	50.214.198.615
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	1.085.885.614	717.620.456
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	23.488.129.630	4.339.076.307
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	195.917.348.335	52.697.170.934
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	23.377.923.846	24.062.187.435
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	4.950.772.197	3.582.127.380

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản tương đương tiền	3.033.497.296	4.653.862.834
Gửi tiền vào tài khoản tập trung của Công ty Cổ phần FPT	3.033.497.296	4.653.862.834
Công nợ phải thu	8.796.590.897	23.578.574.055
Công ty Cổ phần FPT - Hàng hóa dịch vụ	537.692.042	3.811.771.736
Công ty Cổ phần FPT - Phải thu khác	-	4.653.862.834
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)	2.042.651.667	13.040.785.940
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	1.276.901.376	1.234.733.920
Công ty Cổ phần Synnex FPT (FTG)	403.345.812	193.161.228
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	4.536.000.000	644.258.397
Công nợ phải trả	115.967.026.407	179.005.411.428
Công ty Cổ phần FPT- Hàng hóa dịch vụ	35.084.855.464	17.057.495.371
Công ty Cổ phần FPT- cổ tức	-	137.656.070.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)	65.670.694.089	113.159.406
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	226.239.341	360.111.972
Công ty Cổ phần Synnex FPT (FTG)	14.985.237.513	23.818.574.679

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 673.338.532.067 VND (2017: 470.604.574.441 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu



Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng




Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2019

500 - C
TY
HỮU HẠ
TTE
IAM
TP. HA



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT (FPT TELECOM)

	Trụ sở chính:	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Số 17 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
	Văn phòng Hà Nội:	Tầng 5, Tòa nhà PVI, Số 1 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. HN
	Văn phòng HCM:	Lô 29A-31A-33A, Tòa nhà FPT, Đường 19, KCX Tân Thuận, Tp. HCM
	Điện thoại:	(84-24) 7300 2222
	Fax:	(84-24) 3795 0047
	Website:	www.fpt.vn
	Facebook:	www.facebook.com/FptTelecom

DANH BẠ CÔNG TY

CÔNG TY THÀNH VIÊN

1 CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT

Tại Hà Nội:


 Tầng 12A, tòa nhà TNR 54A Nguyễn Chí Thanh, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội.

 Điện thoại: (84-24) 7300 2222

 Fax: (84-24) 3726 4648

Tại TP HCM:

 Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM

 Điện thoại: (84-28) 7300 2222


 Fax: (84-28) 6297 1197

 Website: www.fpt-fti.vn

2 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

 Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM

 Điện thoại: (84-28) 7300 9999

 Fax: (84-28) 7300 9998

 Website: www.fptonline.vn

3 CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN

 Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM

 Điện thoại: (84-28) 7300 2222

 Fax: (84-28) 7300 8889

4 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT

 Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Q9, Tp. HCM

 Điện thoại: (84-28) 7300 2222

 Fax: (84-28) 7300 8889

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC

Khu vực miền Bắc	
Văn phòng Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tầng 5, Tòa nhà PVI, Số 1 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Bắc Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 47, Đường Ngô Gia Tự, Phường Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Ninh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 74 Hai Bà Trưng, Phường Suối Hoa, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh Cao Bằng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 008, phố Kim Đồng, Tổ 15, Phường Hợp Giang, Tp. Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng
Chi nhánh Điện Biên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 584, Đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 1, Phường Tân Thanh, Tp. Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên
Chi nhánh Hà Nam - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 132 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Tp. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	16 Nguyễn Công Trứ, Phường Nam Hà, Tp. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh Hải Dương - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 16 - 18 Bà Triệu, Phường Phạm Ngũ Lão, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 186 Phố Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Chi nhánh Hòa Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	665 Cù Chính Lan, Phường Phương Lâm, Tp. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Hưng Yên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 12, QL5A, Phố Nối, Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Lạng Sơn - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 322 Đường Bà Triệu, Phường Vinh Trại, Tp. Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh Lào Cai - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 228, Đường Hoàng Liên, Tổ 36, Phường Cốc Lếu, Tp. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
Chi nhánh Nam Định - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 312 Trần Hưng Đạo, Phường Bà Triệu, Tp. Nam Định, Tỉnh Nam Định
Chi nhánh Nghệ An - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 38 khu đô thị Trung Đô, Đại Lộ Lê Nin, Phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Ninh Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 195, Đường Lê Đại Hành, Phố Thanh Sơn, Phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
Chi nhánh Phú Thọ - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tổ 18A, phố Minh Hà, Phường Tiên Cát, Tp. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh Quảng Ninh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 177 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 4 Khu 1B, Phường Hồng Hải, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Sơn La - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 08, Đường Nguyễn Lương Bằng, Tổ 4, Phường Quyết Thắng, Tp. Sơn La, Tỉnh Sơn La
Chi nhánh Thái Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	168 Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 46, phường Bồ Xuyên, Tp. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Thái Nguyên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 156, Đường Lương Ngọc Quyến, Tổ 13, Phường Quang Trung, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Lô 09, khu nhà ở Thương Mại, Đường Phan Chu Trinh, Phường Điện Biên, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Tuyên Quang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 236 Đường Quang Trung, Tổ 32, Phường Phan Thiết, Tp. Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Vĩnh Phúc - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 120 Đường Mê Linh, Phường Đống Đa, Tp. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
Chi nhánh Yên Bái - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 822, Đường Điện Biên, Tổ 47, Phường Minh Tân, Tp. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Khu vực miền Trung	
Chi nhánh Bình Định - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	94 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	182 - 184 Đường 2/9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	96 Phan Chu Trinh, Phường Thắng Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Chi nhánh Gia Lai - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	67 Tăng Bạt Hổ - Phường Yên Đỗ, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Huế - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	46 Phạm Hồng Thái, Phường Vinh Ninh, Tp. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tầng 1,2 tòa nhà 42 Lê Thành Phương, Phường Phương Sài, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Kon Tum - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	128 Phan Chu Trinh, Phường Quyết Thắng, Tp. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
Chi nhánh Phú Yên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	A11 Khu Đô Thị Hưng Phú, Đường Trần Phú, Phường 5, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên
Chi nhánh Quảng Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	22 Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Phú, Tp. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
Chi nhánh Quảng Nam - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	540 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Tp. Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Quảng Ngãi - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	249 Phan Bội Châu, Phường Trần Hưng Đạo, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh Quảng Trị - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 159, Quốc lộ 9, Phường 5, Tp. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Khu vực miền Nam	
Chi nhánh Công ty Cổ phần ViễnThông FPT	Lô 37 - 39A, Đường 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	132 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	B15, Khu Trung Tâm Thương Mại, Phường 3, Tp. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	11 Hai Bà Trưng, Phường 1, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Ô 9, 10, Lô B1, Đường D9, KDC Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	498 Quốc lộ 14, khu phố Phú Thịnh, Phường Tân Phú, TX. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	07 Tuyên Quang, Phường Bình Hưng, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 55 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	190E, Đường 30/04, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Chi nhánh Đồng Nai - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	196 Hà Huy Giáp, KP1, Phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	04 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Hậu Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 10 Ngô Quốc Trị, KV3, Phường 5, Tp. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 259 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	38C Trần Phú, Phường 4, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	142 Hùng Vương, Phường 2, Tp. Tân An, Tỉnh Long An
Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 256 Ngô Gia Tự, Phường Tấn Tài, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
Chi nhánh Sóc Trăng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 33 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 565 - 567 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố 6, Phường 3, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 79 Lý Thường Kiệt, Phường 5, Tp. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 45, Nguyễn Đàng, Khóm 6, Phường 7, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
Chi nhánh Vĩnh Long - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	68/11A Phạm Thái Bường, Phường 4, Tp. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	408B Lê Hồng Phong, Phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu